

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**  
-----

**NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ -  
NHỮNG ĐỀ XUẤT NHẪM GẮN VĂN HÓA TÔN GIÁO  
VỚI VĂN HÓA DU LỊCH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

Sinh viên : Trần Thị Thêu  
Người hướng dẫn : TS. Nguyễn Văn Bình

**HẢI PHÒNG - 2010**

## **LỜI CẢM ƠN**

Là một sinh viên cuối cấp được làm khóa luận tốt nghiệp em cảm thấy rất vui và hạnh phúc. Nhưng để hoàn thành khóa luận không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực hết mình của bản thân, mà quan trọng hơn nữa đó là sự chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của thầy cô hướng dẫn, sự giúp đỡ động viên của gia đình và bạn bè.

Trong quá trình làm khóa luận, em đã được sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo, Tiến sĩ Nguyễn Văn Bính, thầy luôn dành thời gian để chỉ cho em những kiến thức cần thiết, những tài liệu tham khảo bổ ích phục vụ cho đề tài tốt nghiệp. Em xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới sự giúp đỡ quý báu của thầy.

Đồng thời em xin cảm ơn tới các thầy cô giáo trong trường, nhất là các thầy cô trong bộ môn Văn hóa du lịch đã giúp đỡ em trong suốt gần 5 năm học qua.

Tuy nhiên với lượng kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế, nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý thầy cô và những nhà nghiên cứu quan tâm đến đề tài.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

**Sinh viên**  
**Trần thị Thêu**

## **MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử nghiên cứu của vấn đề.....	1
3. Mục đích nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Dự kiến đóng góp của đề tài.....	3
7. Bố cục khóa luận.....	3
<b>CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN</b> .....	4
1.1. Vài nét về tôn giáo.....	4
1.1.1. Khái niệm tôn giáo.....	4
1.1.2. Khái quát chung về tình hình tôn giáo ở Việt Nam.....	6
1.1.3. Các loại hình tôn giáo chủ yếu ở đồng bằng Bắc Bộ.....	9
1.2. Góc độ văn hóa của tôn giáo.....	10
1.2.1. Phật giáo.....	11
1.2.2. Thiên Chúa Giáo.....	15
1.3. Giá trị văn hóa tôn giáo đối với việc khai thác và phát triển du lịch.....	19
1.4. Văn hóa tâm linh và đặc điểm của loại hình du lịch văn hóa tâm linh.....	21
1.5. Tiểu kết chương I.....	23
<b>CHƯƠNG II: DU LỊCH VÀ TÔN GIÁO QUA KHẢO SÁT THỰC TẾ Ở MỘT SỐ TỈNH ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ</b> .....	25
2.1. Nhu cầu tôn giáo ở đồng bằng Bắc Bộ.....	25
2.2. Đánh giá chung về tiềm năng du lịch ở các đình, đền, chùa, miếu, nhà thờ, các lễ hội tôn giáo ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.....	27
2.2.1. Tiềm năng.....	27
2.2.2. Thực trạng.....	35
2.2.2.1. Mặt được.....	35

2.2.2.2. Những tồn tại.....	39
2.2.3. Nguyên nhân.....	41
2.2.3.1. Chưa nhìn nhận đúng tiềm năng của du lịch văn hóa tâm linh.....	41
2.2.3.2. Chưa đầu tư thích đáng về mọi mặt.....	42
2.2.3.3. Khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên một cách bừa bãi.....	43
2.2.3.4. Chưa chú trọng công tác quảng bá, xúc tiến.....	43
2.2.3.5. Chưa tạo được những sản phẩm du lịch độc đáo.....	44
2.3. Tiểu kết chương II.....	44
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM GẮN VĂN HÓA TÔN GIÁO VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ.....</b>	<b>46</b>
3.1. Quán triệt sâu sắc quan điểm đổi mới của Đảng đối với vấn đề tôn giáo..	46
3.2. Những giải pháp chung.....	48
3.2.1. Đưa du lịch đến các di tích, các lễ hội văn hóa tâm linh.....	48
3.2.2. Xây dựng dự án Quốc gia về phát triển du lịch văn hóa tâm linh.....	51
3.2.3. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về du lịch, quảng bá, xúc tiến cho loại hình du lịch văn hóa tâm linh.....	51
3.2.4. Học tập kinh nghiệm của một số nước.....	53
3.3. Những giải pháp cụ thể.....	55
3.3.1. Thành lập Ban chuyên trách về du lịch văn hóa tâm linh.....	55
3.3.2. Thành lập các Công ty du lịch chuyên về du lịch văn hóa tâm linh với đội ngũ hướng dẫn viên chuyên nghiệp.....	56
3.3.3. Thành lập Ban chuyên trách tiếp khách, hướng dẫn du khách tại các điểm tham quan.....	56
3.3.4. Giải quyết triệt để những vấn nạn tại các điểm du lịch.....	57
3.3.5. Một số giải pháp khác.....	57
3.4. Tiểu kết chương III.....	58
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>59</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>61</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## **LỜI MỞ ĐẦU**

### **1. Lí do chọn đề tài**

Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử xã hội loài người. Trong quá trình tồn tại và phát triển, tôn giáo luôn ảnh hưởng đến đời sống chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội và tâm lý, đạo đức, lối sống, phong tục tập quán của nhiều quốc gia, dân tộc.

Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo. Trong đó có 6 tôn giáo lớn là Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Cao Đài, Hoà Hảo, Tin Lành, Hồi giáo với hàng chục triệu tín đồ. Phật giáo và Thiên Chúa giáo là hai tôn giáo lớn nhất ở nước ta đều du nhập từ ngoài vào, đã ít nhiều chịu ảnh hưởng phong tục, tập quán và bản sắc văn hoá Việt Nam. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận đời sống nhân dân. Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng tự do, tín ngưỡng tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo.

Tôn giáo không chỉ là nơi lưu giữ các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể mà còn làm cho văn hoá các dân tộc được bảo tồn. Thông qua sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người mà tín ngưỡng, tôn giáo đã tô đượm cho văn hoá dân tộc nhiều sắc màu. Các cơ sở thờ tự của tôn giáo thường là nơi diễn ra nghi lễ, thờ phụng của tín đồ tôn giáo, đồng thời cũng là nơi lưu giữ những giá trị văn hoá tâm linh. Hiện cả nước có khoảng 40.000 di sản vật thể và phi vật thể, là một kho tàng văn hóa tâm linh vô cùng quý giá. Nếu tổ chức khai thác tốt, các di sản này sẽ thúc đẩy ngành du lịch nước ta phát triển xứng với tiềm năng của đất nước, đặc biệt là nguồn tài nguyên quý báu để phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh. Trong đó, vùng đồng bằng Bắc Bộ được đánh giá là vùng có tiềm năng dồi dào cho việc phát triển loại hình du lịch còn rất mới mẻ này.

Chính vì những lí do trên, em đã quyết định chọn đề tài: ***Nghiên cứu tôn giáo ở đồng bằng Bắc Bộ - Những đề xuất nhằm gắn văn hóa tôn giáo với văn hóa du lịch*** làm đề tài tốt nghiệp.

### **2. Lịch sử nghiên cứu của vấn đề**

Vấn đề tôn giáo là một vấn đề đã được nghiên cứu ở một số đề tài như luận văn: “Chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” của sinh viên Trần Thị Quỳnh Nga – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội; Niên luận: “Nguồn gốc ra đời của tôn giáo và sự tồn tại của tôn giáo trong thời đại ngày nay”; luận văn “Tìm hiểu một số giá trị văn hóa Phật giáo phục vụ phát triển du lịch” của sinh viên Phạm Thị Duyên – Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng. Vấn đề lễ hội cũng có một số đề tài nghiên cứu như: “Vai trò của lễ hội tôn giáo với văn hoá Việt Nam theo quan điểm về tôn giáo của e. durkheim” của sinh viên Trần Thị Phương – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội. Trên các báo, tạp chí cũng có những bài nghiên cứu về các vấn đề trên, nhưng cho đến nay chưa có một đề tài nào nghiên cứu một cách đầy đủ về vấn đề tôn giáo và những giá trị văn hóa của tôn giáo gắn với việc phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh. Vì vậy, việc chọn đề tài: ***“Nghiên cứu tôn giáo ở đồng bằng Bắc bộ - Những đề xuất nhằm gắn văn hóa tôn giáo với văn hóa du lịch”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp đối với em là một khó khăn về mặt tài liệu tham khảo nhưng cũng là một thuận lợi vì đây là đề tài mới, không bị trùng lặp với những người đi trước.

### **3. Mục đích nghiên cứu.**

Mục đích của khóa luận là nghiên cứu một số vấn đề về tôn giáo ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, từ đó đưa ra những đề xuất nhằm khai thác giá trị của văn hóa tôn giáo đối với việc phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh ở khu vực này.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của khóa luận là một số vấn đề về tôn giáo, đặc biệt là những giá trị của văn hóa tôn giáo đối với việc phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh.

Phạm vi nghiên cứu: Vùng đồng bằng Bắc Bộ

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Tác giả vận dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để nêu bật những vấn đề lí luận, đồng thời sử dụng những kết quả từ việc khảo sát thực tế để chứng minh.

### **6. Dự kiến đóng góp của đề tài**

Đề tài đã bước đầu nghiên cứu một cách tương đối toàn diện về vấn đề tôn giáo và những giá trị văn hóa của tôn giáo gắn với việc phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh. Nếu được áp dụng thành công trong thực tiễn thì nội dung của khóa luận sẽ đóng góp một phần vào việc phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh đang rất dồi dào tiềm năng của vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng và trong phạm vi cả nước nói chung. Đồng thời khóa luận có thể làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu những vấn đề về tôn giáo, về du lịch, đặc biệt là nghiên cứu về loại hình du lịch văn hóa tâm linh.

### **7. Bố cục khóa luận**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương chính:

*Chương I. Một số vấn đề lí luận.*

*Chương II. Du lịch và tôn giáo qua khảo sát thực tế ở một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.*

*Chương III. Một số đề xuất nhằm khai thác giá trị của văn hóa tôn giáo với việc phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh ở đồng bằng Bắc Bộ.*

## **CHƯƠNG I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN**

### **1.1. Vài nét về tôn giáo**

#### **1.1.1. Khái niệm tôn giáo**

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội do con người sáng tạo ra và xuất hiện khá sớm trong xã hội loài người, nó tồn tại phổ biến ở tất cả các nước, các dân tộc trên thế giới.

Sự lý giải về các hiện tượng tôn giáo đã được con người đề cập đến từ rất sớm trong lịch sử. Điều này thể hiện rõ trong các trào lưu tư tưởng của các nhà thần học, trong hệ thống triết học duy vật và duy tâm.

Với những góc độ và cách tiếp cận khác nhau, người ta đưa ra nhiều quan niệm về tôn giáo như :

Khái niệm tôn giáo là một vấn đề được giới nghiên cứu về tôn giáo bàn cãi rất nhiều. Trong lịch sử đã từng tồn tại rất nhiều quan niệm khác nhau về tôn giáo:

- Các nhà thần học cho rằng “Tôn giáo là mối liên hệ giữa thần thánh và con người”.

- Khái niệm mang dấu hiệu đặc trưng của tôn giáo: “Tôn giáo là niềm tin vào cái siêu nhiên”.

- Một số nhà tâm lý học lại cho rằng “Tôn giáo là sự sáng tạo của mỗi cá nhân trong nỗi cô đơn của mình, tôn giáo là sự cô đơn, nếu anh chưa từng cô đơn thì anh chưa bao giờ có tôn giáo”.

- Khái niệm mang khía cạnh bản chất xã hội của tôn giáo của C.Mác: “Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, nó là tinh thần của trật tự không có tinh thần”.



Vậy Tôn giáo là gì? Trong tác phẩm Chống Duyrinh khi phê phán Duyrinh trên nhiều lĩnh vực triết học, CNXH khoa học, Kinh tế chính trị học và cả tôn giáo, bằng lý luận khoa học duy vật lịch sử Ăngghen đã đưa ra quan điểm của mình về tôn giáo một cách khái quát và khoa học. Các nhà nghiên cứu tôn giáo Mác xít sau này đã coi đây là định nghĩa kinh điển về tôn giáo:

*"Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào đầu óc con người, của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế".*

Định nghĩa của Ăngghen đã chỉ ra rằng tôn giáo với tư cách là một hình thái ý thức xã hội về mặt bản chất là sự phản ánh hư ảo, là thế giới quan lộn ngược do chính con người sáng tạo ra. Đồng thời ông chỉ ra nội dung và đối tượng ảo tưởng của tôn giáo là những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ thông qua hình thức biểu hiện "đó là những lực lượng trần thế đã mang hình thức của những lực lượng siêu trần thế".

Với định nghĩa trên Ăng ghen đã giải đáp ba vấn đề cơ bản: Tôn giáo là gì? Nó phản ánh cái gì? Nó phản ánh như thế nào?. Định nghĩa của Ăngghen về tôn giáo được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá cao và coi đó là định nghĩa kinh điển thể hiện rõ nhất quan điểm Mác xít về bản chất của tôn giáo. Nó vừa có tính chất bao quát được hiện tượng tôn giáo, đồng thời chỉ ra được cái đặc trưng cũng như bản chất nhất của tôn giáo. Đó là niềm tin hay thế giới quan hoang đường hư ảo của con người.

Tuy nhiên nếu chúng ta chỉ xem xét tôn giáo là một sự phản ánh hư ảo thì chưa đủ, vì rằng cái bản chất nhất, cốt lõi trong quan niệm tôn giáo là quan niệm thượng đế, thần linh cái siêu việt. Nhưng thần linh trong ảo tưởng của con người đã có hình thức của sự tồn tại vật chất, điều này thể hiện qua bài trí thần điện để thờ, chỗ tụng niệm cho tín đồ, lễ bái và hoạt động tôn giáo được tiến hành một cách có tổ chức. Đặc biệt là với tôn giáo hiện đại, bản thân nó có kết cấu hết sức

phức tạp, đòi hỏi chúng ta khi tìm hiểu các hiện tượng tôn giáo phải có một cái nhìn đa chiều và toàn diện.

### **1.1.2. Khái quát chung về tình hình tôn giáo ở Việt Nam**

Việt Nam là quốc gia có nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực Đông Nam Á có ba mặt giáp biển, Việt Nam rất thuận lợi trong mỗi giao lưu với các nước trên thế giới và cũng là nơi rất dễ cho việc thâm nhập các luồng văn hoá, các tôn giáo trên thế giới. Các tôn giáo lớn trên thế giới được du nhập vào Việt Nam rất sớm như Phật giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo .... Nó tồn tại suốt một thời gian dài với lịch sử dân tộc.

Tuy nhiên, trong lịch sử cũng như hiện nay, dân tộc Việt Nam không có quốc đạo, mà có rất nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau cũng tồn tại, trong đó có cả tôn giáo truyền thống, tôn giáo nội sinh lẫn tôn giáo ngoại nhập. Trên bầu trời thần thánh, không chỉ có Đức Phật, Đức Chúa mà còn có cả một phức hệ thần thánh với nhiên thần, nhân thần và nhiều nhân vật nửa lịch sử nửa huyền thoại.

Ở Việt Nam có những tôn giáo có nguồn gốc từ phương Đông như Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo; có tôn giáo có nguồn gốc từ phương Tây như Thiên Chúa giáo, Tin lành; có tôn giáo được sinh ra tại Việt Nam như Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo; có tôn giáo hoàn chỉnh (có hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức giáo hội), có những hình thức tôn giáo sơ khai. Có những tôn giáo đã phát triển và hoạt động ổn định; có những tôn giáo chưa ổn định, đang trong quá trình tìm kiếm đường hướng mới cho phù hợp.

Ước tính, hiện nay ở Việt Nam có khoảng 80% dân số có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có khoảng gần 20 triệu tín đồ của 6 tôn giáo đang hoạt động bình thường, ổn định, chiếm 25% dân số. Cụ thể:

- Phật giáo: Gần 10 triệu tín đồ (những người quy y Tam Bảo), có mặt hầu hết ở các tỉnh, thành phố trong cả nước, trong đó tập trung đông nhất ở Hà Nội,

Bắc Ninh, Nam Định, Hải Phòng, Hải Dương, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hoà, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Lâm Đồng, Sóc Trăng, Trà Vinh, thành phố Cần Thơ...

- Thiên Chúa giáo: Hơn 5,5 triệu tín đồ, có mặt ở 50 tỉnh, thành phố, trong đó có một số tỉnh tập trung đông như Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Kon Tum, Đắk Lắk, Khánh Hoà, Bình Thuận, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Vĩnh Long, An Giang, thành phố Cần Thơ...

- Đạo Cao Đài: Hơn 2,4 triệu tín đồ có mặt chủ yếu ở các tỉnh Nam Bộ như Tây Ninh, Long An, Bến Tre, TP Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Tiền Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Kiên Giang, Cà Mau, An Giang.. .

- Phật giáo Hoà Hảo: Gần 1,3 triệu tín đồ, tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ như: An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long.

- Đạo Tin lành: khoảng 1 triệu tín đồ, tập trung ở các tỉnh: Đà Nẵng, Quảng Nam, TP Hồ Chí Minh, Bến Tre, Long An, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông, Bình Phước... và một số tỉnh phía Bắc.

- Hồi Giáo: Hơn 60 nghìn tín đồ, tập trung ở các tỉnh: An Giang, TP Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Ninh Thuận...

Ngoài 6 tôn giáo chính thức đang hoạt động bình thường, còn có một số nhóm tôn giáo địa phương, hoặc mới được thành lập có liên quan đến Phật giáo, hoặc mới du nhập ở bên ngoài vào như: Tịnh độ cư sỹ, Bửu sơn kỳ hương, Tứ ân hiếu nghĩa, Tổ tiên chính giáo, Bàlamôn, Bahai và các hệ phái tin lành.

Cả nước có 56.125 chức sắc, nhà tu hành, chưa kể hàng vạn người hoạt động bán chuyên nghiệp của các tổ chức tôn giáo, trong đó Phật giáo có 33.066 tăng ni; Thiên chúa giáo có 42 giám mục, 2.700 linh mục và 11.282 tu sỹ, Tin lành có 492 mục sư, giảng sư và truyền đạo; Cao Đài có 8.340 chức sắc, chức việc; Phật giáo Hoà hảo có 982 chức việc và Hồi giáo có 699 chức sắc; 3 học viện Phật giáo với trên 1.000 tăng ni sinh, 30 trường trung cấp Phật học, 4 trường cao đẳng Phật học với 3.940 tăng ni sinh theo học. Giáo hội Thiên Chúa

giáo có 6 Đại chủng viện với 1.085 chủng sinh và 1.712 chủng sinh dự bị. Viện Thánh kinh thần học của Tổng liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) đã chiêu sinh hai khoá với 150 học sinh. Hiện có hàng trăm người của các tôn giáo đang theo học thạc sĩ, tiến sĩ ở các nước trên thế giới.

Cả nước hiện có 22.000 cơ sở thờ tự, trong đó có nhiều cơ sở được xây dựng mới, xây dựng lại khang trang, đẹp đẽ. Đó là bằng chứng sinh động về đảm bảo tự do tín ngưỡng, tôn giáo là nguyên tắc hàng đầu và nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam vì cuộc sống tinh thần của hàng triệu tín đồ các tôn giáo và cũng là những công dân của Việt Nam.

Năm 1955 trước yêu cầu mới về công tác tôn giáo nói chung, công tác quản lý Nhà nước về hoạt động tôn giáo nói riêng, Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà căn cứ vào ý kiến của Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 566-TTg ngày 2-8-1955 thành lập Ban Tôn giáo trực thuộc Phủ Thủ tướng (tiền thân của Ban Tôn giáo Chính phủ ngày nay) để "nghiên cứu kế hoạch thi hành những chủ trương chính sách của Chính phủ về vấn đề tôn giáo, giúp Thủ tướng phối hợp với các ngành ở Trung ương và theo dõi hướng dẫn, đôn đốc các địa phương trong việc thực hiện những chính sách của Chính phủ về vấn đề tôn giáo và liên hệ với các tổ chức tôn giáo".

Với sự đa dạng các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo nói trên, người ta thường ví Việt Nam như bảo tàng tôn giáo của thế giới. Về khía cạnh văn hoá, sự đa dạng các loại hình tín ngưỡng tôn giáo đã góp phần làm cho nền văn hoá Việt Nam phong phú và đặc sắc.

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận đời sống nhân dân. Đảng và Nhà nước ta chủ trương, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng tự do, tín ngưỡng tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân được quy định trong đạo luật gốc của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đó là: "Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được

pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước". Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước còn được thể hiện trong nhiều luật, pháp lệnh và các văn bản dưới luật, các nghị quyết, chỉ thị khác như Bộ luật Dân sự, Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo. Ngoài ra, những chủ trương, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo không phải chỉ được khẳng định ở Hiến pháp, pháp luật hay trong các chỉ thị, nghị quyết của Đảng mà được thể hiện sống động trong cuộc sống hàng ngày. Điều đó củng cố niềm tin trong nhân dân, tạo sự phấn khởi trong đồng bào tôn giáo.

### **1.1.3. Các loại hình tôn giáo chủ yếu ở đồng bằng Bắc Bộ**

Về vị trí địa lí, vùng châu thổ Bắc Bộ (hay còn gọi là vùng đồng bằng Bắc Bộ) là tâm điểm của con đường giao lưu quốc tế theo hai trục chính : Tây-Đông và Bắc-Nam. Vị trí này khiến cho nó trở thành vị trí tiền đồn để tiến tới các vùng khác trong nước và Đông Nam Á, là mục tiêu xâm lược đầu tiên của tất cả bọn xâm lược muốn bành trướng thế lực vào lãnh thổ Đông Nam Á. Nhưng cũng chính vị trí địa lí này tạo điều kiện cho cư dân có thuận lợi về giao lưu và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Chính vì vậy, tôn giáo xuất hiện rất sớm ở vùng Đồng bằng Bắc bộ. Tuy hiện nay cả nước ta có tới 6 loại hình tôn giáo chính đang hoạt động, ngoài ra còn có một số nhóm tôn giáo địa phương, nhưng ở vùng đồng bằng Bắc bộ thì gần như chỉ có hai tôn giáo chính, đó là Phật giáo và Thiên chúa giáo.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam rất sớm. Một số sách sử ghi rằng nơi đầu tiên là Luy Lâu (Bắc Ninh) – một địa điểm thuộc đồng bằng sông Hồng - vào cuối thế kỷ thứ hai. Phật giáo vào Việt Nam bằng hai con đường: đường thủy thông qua việc buôn bán với thương gia Ấn Độ và đường bộ qua sự giao lưu văn hóa với Trung Quốc. Đạo Phật đến với Việt Nam thông qua con đường hòa bình, mặt khác giáo lý của Phật giáo chuyển tải tư tưởng bình đẳng, bác ái, cứu khổ, cứu nạn.... gần gũi tín ngưỡng, văn hóa Việt Nam nên được các cư dân Việt Nam dễ dàng chấp nhận.

Từ thời Lý và đặc biệt là thời Trần, Phật giáo phát triển một cách rực rỡ và gần như trở thành quốc đạo. Trải qua gần 2000 năm tồn tại, Phật giáo lúc thịnh lúc suy và trải qua nhiều bước thăng trầm. Tuy nhiên, dấu ấn và sự hiện hữu của Phật giáo ở vùng đồng bằng Bắc bộ vẫn rất đậm nét. Gần như các làng ở vùng đồng bằng Bắc bộ đều có chùa và hằng năm đều có các lễ hội.

Bên cạnh Phật giáo, thì Thiên Chúa giáo cũng là một đạo giáo chủ yếu ở vùng đồng bằng Bắc bộ. Tuy được du nhập muộn màng hơn Phật giáo rất nhiều, nhưng điểm đến đầu tiên của Thiên Chúa giáo ở Việt Nam cũng là vùng đồng bằng Bắc bộ, đó là vùng Bùi Chu (Kim Sơn – Ninh Bình). Từ năm 1640-1954, Bùi Chu đã trở thành vùng truyền giáo đầu tiên của các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha đối với Việt Nam. Sau đó, vào năm 1960, giáo phận Bùi Chu được Tòa Thánh nâng lên bậc giáo phận chính tòa. Tuy có diện tích nhỏ nhất, nhưng giáo phận Bùi Chu có số giáo hữu đông nhất trong Giáo Hội Việt Nam.

Tuy không có số tín đồ đông như Phật giáo, nhưng Thiên Chúa giáo cũng là một tôn giáo chủ yếu ở đồng bằng Bắc bộ.

### **1.2. Góc độ văn hóa của tôn giáo**

Dưới góc nhìn của văn hóa, GS Trần Quốc Vượng khẳng định: “ Nhìn nhận vấn đề tôn giáo trên quan điểm “ văn hoá học” tôi thấy thế này: xét theo lịch sử phát sinh và trưởng thành, tôn giáo vừa là một sản phẩm của văn hoá, vừa là một thành phần hữu cơ, một nhân tố cấu thành của văn hoá”.

Cũng đồng quan điểm trên đây, GS Ngô Đức Thịnh- Viện trưởng Viện Văn hoá dân gian cho rằng: “Xét cho cùng, mọi hệ thống biểu tượng của tôn giáo, tín ngưỡng đều là hệ thống biểu tượng của văn hoá, nó vừa chứa đựng hệ giá trị của dân tộc đồng thời là sự thể hiện bản sắc và các sắc thái của dân tộc trong một thời đại nhất định. Trong hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng đã sản sinh, tích hợp và bảo tồn nhiều hiện tượng văn hoá nghệ thuật mang sắc thái dân tộc độc đáo. Nếu nhìn vấn đề theo phương pháp hệ thống, thì chính tôn giáo, tín ngưỡng là các yếu tố nhân lõi tạo nên hệ thống ấy. Còn các hiện tượng văn hoá nghệ thuật chỉ là các yếu tố phát sinh. Điều này cắt nghĩa rằng, không thể cắt rời các yếu tố tín

ngưỡng và sinh hoạt văn hoá kèm theo. Bất cứ một thứ tôn giáo, tín ngưỡng nào xét về bản chất của nó không bao giờ hướng tới cái xấu, cái độc ác mà luôn khuyến khích làm điều thiện, vươn tới cái đẹp, cái cao cả vì lợi ích bản thân và cộng đồng”.

Vì sao tôn giáo lại có tính hướng thiện? GS Trần Quốc Vượng lý giải: “ở trong mỗi tôn giáo lớn đều có hạt nhân triết học, đều có chủ nghĩa nhân đạo là thành tựu văn hoá lớn nhất của loài người. Cái từ bi của Phật, cái bác ái của Chúa Kitô, cái nhân nghĩa của Khổng Nho là những hạt ngọc văn hoá đó”.

Văn hóa của một tộc người bao gồm những giá trị vật thể và phi vật thể mà tôn giáo chỉ là một trong nhiều thành tố góp phần làm phong phú văn hóa của tộc người. Tôn giáo không phải là tổng thể văn hóa của một tộc người, nhưng “tôn giáo là hình thái ý thức xã hội ra đời và phát triển từ hàng ngàn năm nay, tồn tại cùng loài người trong một thời gian khó mà đoán định trước được. Trong quá trình tồn tại và phát triển, tôn giáo ảnh hưởng khá sâu sắc đến đời sống chính trị, tư tưởng văn hóa - xã hội và tâm lý, đạo đức, lối sống, phong tục tập quán của nhiều quốc gia, dân tộc của các tầng lớp người.

Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo, hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới đều có mặt ở đây (Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành giáo...). Trong quá trình phát triển đạo ở Việt Nam, các tôn giáo đã trở thành cầu nối tiếp xúc văn hoá, vì tôn giáo bản thân nó cũng chính là một thành tố của văn hoá. Do đó, không thể phủ nhận vai trò đặc biệt quan trọng của tôn giáo đối với sự phát triển của văn hoá Việt Nam.

Trong phần này, người viết chỉ tìm hiểu sự ảnh hưởng của hai tôn giáo chính tại Việt Nam là Phật giáo và Thiên chúa giáo đến sự phát triển của văn hóa Việt Nam

### **1.2.1. Phật giáo**

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ thứ I, thứ II sau công nguyên từ Ấn Độ. “Luy Lâu”, trụ sở chính của quận Giao chỉ, đã sớm trở thành một trung tâm Phật giáo quan trọng. Tại đây với hoạt động truyền giáo của

Khâu - đà - la (Ksudra, đến Luy Lâu trong khoảng các năm 168-189) đã xuất hiện truyền thuyết Phật giáo Việt nam đầu tiên với Thạch Quang Phật và Man Nương Phật Mội”. Do thích nghi được với các tôn giáo khác như Nho giáo, Đạo giáo hay những tín ngưỡng như Thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ mẹ... Phật giáo đã nhanh chóng bám rễ vào đất nước ta và phát triển cùng với lịch sử dân tộc Việt.

Có thể nói rằng, đạo Phật là một tôn giáo rất gần gũi với hầu hết người dân Việt Nam, phù hợp với tâm thức của người Việt. Vì thế ngay từ khi mới du nhập, Phật giáo đã nhanh chóng phát triển. Nó được từ các vua chúa, quan lại cho đến các tầng lớp bình dân tin tưởng và đi theo. Và nó đã trở thành một nhân tố tâm linh không thể thiếu được của người dân Việt. Ảnh hưởng của đạo Phật thường trực tới mức cùng với mái đình, ngôi chùa đã trở thành công trình quan trọng của mỗi làng. Người dân đi bất kỳ đâu, nếu lỡ độ đường đều có thể ghé vào chùa xin ăn hoặc xin nghỉ tạm qua đêm.

Cho đến nay, Phật giáo là tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng nhất, có số lượng tín đồ đông đảo nhất ở Việt nam. Theo số liệu của Ban tôn giáo Chính Phủ thì số lượng tín đồ phật tử xuất gia khoảng 3 triệu người, số thường xuyên đến chùa tham gia các phật sự khoảng 10 triệu người, còn số chịu ảnh hưởng của phật gần gũi và thân thiết với người Việt nam đến nỗi dường như một người Việt Nam bất kỳ, nếu không theo tôn giáo nào thì ắt hẳn theo Phật.

Những nét khái quát trên về đạo Phật đã cho thấy rằng đạo Phật không còn là đạo Phật của Ấn Độ nữa mà là đạo Phật của người Việt Nam, phù hợp với lối sống, văn hoá và hoàn cảnh của người Việt Nam. Cùng với những tín ngưỡng như; tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, Đạo mẫu ...hay các tôn giáo như; Nho giáo, Đạo giáo, Ki tô giáo... Phật giáo đã và đang góp phần không nhỏ trong việc giáo dục và rèn luyện nên nhân cách cho người Việt. Tạo nên những nét đặc sắc riêng cho phật giáo Việt nam nói chung và con người Việt Nam nói riêng.

Phật giáo cũng như các tôn giáo khác, không chỉ là những quan niệm triết học, mà chính thông qua kinh điển, nghi lễ, chùa chiền, các hình tượng thờ cúng,



chế độ tổ chức tạo thành một lối sống đa dạng, phong phú để lại những ảnh hưởng sâu sắc trong đạo đức, tư tưởng, văn học, nghệ thuật Phật giáo tự bản thân là một hệ thống ổn định có nhiều thứ lớp, nhiều hình thức vật thể và phi vật thể. Tự bản thân nó tạo ra sắc thái văn hóa riêng biệt.

Trước hết Phật giáo có một hệ thống tư tưởng - đạo đức sâu sắc, coi trọng sự tu dưỡng nhân cách. Muốn làm tín đồ hay theo Phật giáo phải biết giới, định, tuệ. Giới tính là những quy phạm ngăn cấm các tín đồ làm việc, nói và suy nghĩ không theo quy định (nhằm điều chỉnh hành vi của tín đồ và giữa tín đồ với xã hội). Định là giữ trạng thái tinh thần không xao động để đạt đến tuệ là sự thông suốt mọi lý sự.

Những quan niệm về thiện - ác, về từ bi cũng thuộc phạm trù đạo đức Phật giáo. Thế nào là thiện, thế nào là ác, đó quả là vấn đề vô cùng phức tạp. Nhưng xét về khía cạnh nào đó, thì ở mỗi thời đại, dân tộc, nền văn hóa đều có quan niệm thiện, ác khác nhau. Nhà nho cho rằng: cái gì phù hợp với lương tri con người là thiện, ngược lại là ác. Còn quan niệm thiện của Phật giáo đại thừa lại có hai ý nghĩa: Một là thuận theo và phù hợp với tư tưởng “vô thường, vô ngã” (nghĩa là luôn luôn biến đổi và không có bản ngã): hai là vì lợi ích chung của chúng sinh. Đây chính là điều làm cho đạo đức Phật giáo có tính thế tục.

Một đặc điểm nổi bật nữa của đạo đức Phật giáo là quan niệm về từ bi. Nếu như giới, định, tuệ về cơ bản là tự rèn luyện bản thân thì những quan niệm từ bi là để giải quyết quan hệ giữa người với người, giữa người với xã hội và thiên nhiên trên nguyên tắc có lợi cho người khác. Kinh Quán vô lượng thọ chỉ rõ người có tâm Phật là người đại từ bi. "Từ là làm cho người ta lạc quan và bi là làm cho người ta thoát khỏi đau khổ". Từ bi kết hợp với nhau tạo thành nguyên tắc vì lợi ích chúng sinh mà hành động. Các nhà triết học gọi đó là chủ nghĩa vị tha.

Học thuyết nhân quả báo ứng của Phật giáo cũng tác động vào xã hội sâu sắc. Nó chỉ rõ xu hướng chuyển động tốt hay xấu của đời người chính là do nghiệp quyết định. Nghiệp mà con người lựa chọn được phân biệt là thiện và ác.

Thiện nghiệp sẽ đưa đến thiện quả, ác nghiệp nhất định đưa tới ác quả. Nhận thức về nhân quả báo ứng, nhân dân ta thường nói: gieo gió thì gặt bão, trồng dưa thì hái dưa, đời cha ăn mặn đời con khát nước...

Phật giáo vào Việt Nam cũng tạo ra nền văn học, nghệ thuật Phật giáo. Vào thời Ngô Đình Lê và Lý trần, gần 500 năm, lực lượng sáng tác văn học dân tộc chủ yếu là các nhà sư. Nổi bật như Pháp Thuận(990), Ngô Chân Lưu (933 - 1044)... Ngô Chân Lưu được phong là Khuông Việt đại sư có bài từ nổi tiếng “Vương lang quy”. Nhà sư Mãn Giác (1032 - 1096) có bài “Cáo tật thị chúng” nói lên niềm lạc qua, nhập thế của bộ phận Phật tử. Thiên phái trúc lâm thời Trần với các vị tổ sư Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang đã để lại nhiều văn thơ Hán Nôm, thành tựu của lịch sử văn học và lịch sử tư tưởng thời bấy giờ.

Trong thời Lê Nguyễn, văn học Phật giáo vẫn tiếp tục duy trì, đồng thời lại hòa nhập vào làng xã tạo thành thành tố quan trọng trong văn học dân gian Việt Nam. Chuyện Tấm Cám là Phật thoại lưu truyền rộng khắp, chuyện bà Ý Lan – một hiện thân của cô Tấm lan rộng khắp Kinh Bắc. Hải Dương chuyên Quan âm thị kính là đỉnh cao của Văn học Phật giáo dân gian. Chính dân gian Việt Nam có ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc đã chuyển hóa giới tính của Đức Phật Bồ Tát Quan thế âm từ nam tính Ấn Độ sang nữ tính tạo ra truyện Quan âm thị kính, tượng trưng cho tấm lòng vị tha, cứu nhân độ thế. Phật giáo đã được dân gian tiếp nhận tạo thành Phật giáo dân gian và nhờ dân gian mà Phật giáo có sức sống trường tồn mạnh mẽ. Đồng thời văn học nghệ thuật dân gian có thêm Phật giáo lại phong phú hơn, tương bổ tương thành.

Nói đến Phật giáo Việt Nam không thể không nói đến ngôi chùa làng. Chùa thời Lý Trần phần lớn là chùa, triều đình chùa, quý tộc. Chùa thời Lê Nguyễn chủ yếu là chùa làng, tức là chùa dân gian. Khi nam giới tập trung ở ngôi đình thì phụ nữ trong các hội vải bà, hội Vu Lan lại quây quần trong chùa làng. Chính ngôi chùa đã đáp ứng cho nhu cầu tâm linh của “nửa nhân loại” này, nó sẽ trường tồn trong lịch sử.

Đóng góp của Phật giáo còn cả ở các công trình kiến trúc và điêu khắc. Nó tạo thành một khuynh hướng thẩm mỹ độc đáo. Trong lịch sử kiến trúc và điêu khắc Việt Nam không thể không nhắc đến các ngôi chùa như Phật Tích, Giạm, Bút Tháp, Thiên Mục, Từ Đàm, Vĩnh Nghiêm... những công trình kiến trúc quy mô lớn này có kỹ thuật tinh xảo, độc đáo của cách sử dụng và phối hợp giữa kết cấu kiến trúc và trang trí kiến trúc, cân đối hài hòa. Những tác phẩm như tượng nghìn tay, nghìn mắt (Bút tháp), các pho tượng La Hán - Bồ Tát (Tây phương)... là những công trình nghệ thuật tiêu biểu cho sức sáng tạo của người xưa, là đỉnh cao của giá trị thẩm mỹ. Trong chùa còn có câu đối, hoành phi và bia đá tăng thêm dáng vẻ trang trọng, cổ kính khuynh hướng thẩm mỹ của kiến trúc Phật giáo là tĩnh lặng, huyền hư. Cái đẹp của ngôi chùa là hòa hợp con người vào thiên nhiên (có núi, có sông, cây cỏ) là sự khoan thai êm dịu. Có một nền văn học Phật giáo và rõ ràng cũng có một nền nghệ thuật Phật giáo.

Không thể bỏ qua ẩm thực Phật giáo. Ăn chay đang mở rộng khắp nơi, nhiều người Châu Âu áp dụng. Thậm chí ngày nay ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và những thành thị khác đã có cửa hàng ăn chay. Thức ăn chay là loại thuốc chữa bệnh, thuốc kéo dài tuổi thọ cho những người trung niên và cao niên.

Trong lịch sử Việt Nam, ảnh hưởng của Phật giáo đã thành một yếu tố quan trọng được ngưng kết lại trong đạo đức, văn học - nghệ thuật, trong kiến trúc điêu khắc và trong ẩm thực. Đó chính là các giá trị văn hóa mà Phật giáo đã đóng góp cho nền văn hóa Việt Nam

### **1.2.2. Thiên Chúa giáo**

Vào thế kỷ XVI, Công giáo (Thiên Chúa giáo) truyền vào Việt Nam do các giáo sĩ Bồ đào nha, Tây Ban Nha và sau là Pháp. Sự truyền đạo giai đoạn đầu ít gặp trở ngại do tính khoan dung của người Việt Nam và tính không đối đầu của tôn giáo bản địa nhưng sự truyền đạo đạt kết quả không cao. Sau đó Pháp vận động Giáo Hoàng cho phép độc quyền truyền đạo tại Việt Nam. Hội truyền giáo Pa-ri được thành lập năm 1660 cùng nhà nước Pháp tuyển chọn, đào tạo giáo sĩ, cử sang hoạt động ở Việt Nam và một số nước khác.

Cuối thế kỷ XVIII, Giáo hội Công giáo Việt Nam đã có ba địa phận (Đàng trong, Đàng ngoài và Tây đàng ngoài) với khoảng 3 vạn giáo dân và 70 linh mục Việt Nam. Dưới triều Nguyễn, lúc đầu sự truyền giáo được nhà Nguyễn tạo nhiều điều kiện thuận lợi, nhưng sau đó thấy những hoạt động của giáo sĩ vừa truyền đạo vừa phục vụ cho âm mưu xâm lược của thực dân Pháp nên nhà Nguyễn đã cấm đạo nhất là từ khi thực dân Pháp bộc lộ rõ ý đồ thôn tính Việt Nam. Việc cấm đạo gay gắt tạo sự chia rẽ nhất định trong nhân dân.

Trong hơn 100 năm dưới chế độ thực dân, chúng luôn lợi dụng Công giáo để xâm lược và duy trì sự thống trị. Chúng luôn lợi dụng Công giáo để chèn ép các tôn giáo khác gây chia rẽ giữa các tín đồ Công giáo với tín đồ các tôn giáo khác hoặc với người không có đạo. Dưới ách thống trị của đế quốc, thực dân, Giáo hội Công giáo được nhiều đặc quyền đặc lợi. Những tổ chức, giáo sĩ theo chúng được ưu đãi. Tuy thế, giáo hội Công giáo ở Việt Nam vẫn bị coi là giáo hội thuộc địa. Có thể thấy điều đó rất rõ sau gần 400 năm truyền đạo vào nước ta, mãi đến năm 1933 mới có một giáo sĩ Việt Nam được phong làm giám mục.

Do sự thao túng bởi các thế lực bên ngoài, trong cuộc kháng chiến đánh đuổi đế quốc, thực dân giáo hội đã đứng về phía xâm lược. Năm 1951 Hội nghị các giám mục Đông dương đã họp và đã đưa ra thư chung cấm người Công giáo tham gia kháng chiến. Năm 1960, Hội nghị các giám mục miền Nam ra thư mùa chay, nhắc lại thư chung năm 1951 ngăn cản đồng bào Công giáo tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc. Mặc dù vậy, một bộ phận chức sắc đã dung hoà được quyền lợi của dân tộc với tôn giáo và đồng đạo tín đồ với ý thức dân tộc và lòng yêu nước đã đứng về phía kháng chiến và đã đóng góp không chỉ vật chất, tinh thần mà còn cả xương máu cho cách mạng

Sau 1975, với thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và những tác động của sự chuyển đổi của Công đồng Vatican II, Giáo hội Công giáo Việt Nam có nhiều sự biến đổi. Năm 1976, Giáo hoàng phong chức Hồng y đầu tiên cho một Giám mục Việt Nam. Năm 1980, các Giám mục trong cả nước đã họp hội nghị để thống nhất đường lối của

giáo hội. Hội nghị đã thành lập Hội đồng giám mục Việt Nam và ra thư chung 1980 với phương châm “sống phúc âm trong lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc đồng bào”.

Trong những năm gần đây, Công giáo nước ta có chiều hướng phát triển. Số lượng tín đồ tăng do sự gia tăng dân số tự nhiên và một số tín đồ khô đạo, nhát đạo trở lại sinh hoạt. Số tín đồ Công giáo nước ta hiện nay khoảng 5 triệu, hiện nay đang có cuộc sống ổn định và phấn khởi trước cuộc đổi mới và chính sách tôn giáo của Đảng đang chăm lo cải thiện đời sống và tham gia vào các hoạt động xã hội nhân đạo, an ninh trật tự, phòng chống các tệ nạn xã hội và thể hiện cuộc sống theo phương châm “tốt đời, đẹp đạo”, “kính Chúa yêu nước”. Tuy nhiên, trong Công giáo còn một số chức sắc chưa thể hiện rõ được ý thức công dân, không đặt lợi ích của Công giáo trong lợi ích của dân tộc, muốn hoạt động của Giáo hội nằm ngoài sự quản lý của nhà nước.

Giáo hội Công giáo Việt Nam: gồm 25 giáo phận, mỗi giáo phận do một Giám mục đứng đầu. Hội đồng Giám mục Việt Nam tập hợp tất cả các giám mục ở Việt Nam được thành lập năm 1980 chọn đường hướng “sống phúc âm trong lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”.

Cho đến nay, Thiên Chúa giáo đã có lịch sử trên 400 năm ở Việt Nam. So với Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo thì Thiên Chúa giáo là một tôn giáo đến muộn, tuy nhiên trải qua thời gian, văn hoá Thiên Chúa giáo vẫn có một chỗ đứng nhất định trong văn hoá Việt Nam, có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của văn hoá Việt Nam. Những đóng góp của Thiên Chúa giáo đối với văn hoá dân tộc Việt Nam thể hiện trên rất nhiều lĩnh vực: lối sống đạo, ngôn ngữ - chữ viết, báo chí, văn chương, kiến trúc...

Trước hết, khi truyền sang Việt Nam, Thiên Chúa giáo đã đóng vai trò là cầu nối chuyển tải những thành tố của văn minh phương Tây đến văn hoá Việt Nam. Các giáo sĩ đến truyền giáo ở nước ta lúc đó đều là những người được đào tạo chính quy trong các chủng viện, đại chủng viện, do đó rất nhiều người có

trình độ uyên thâm và có những cống hiến nhất định trong việc chuyển tải văn hoá, văn minh tới vùng đất ngoại.

Thứ hai, sự du nhập của Thiên Chúa giáo đã tạo ra một loại hình chữ viết mới ở Việt Nam, đó là chữ quốc ngữ. Kể từ lúc ra đời cho tới cuối thế kỷ XIX, chữ Quốc ngữ đã dần dần được hoàn thiện từng bước nhằm phục vụ cho công cuộc truyền giáo như in kinh bản và các sách giáo lý. Nó cũng là phương tiện ghi chép những hoạt động của các giáo sĩ và giáo dân. Như vậy, trải qua hơn hai thế kỷ sau khi ra đời, phạm vi sử dụng của chữ Quốc ngữ không chỉ hạn chế trong khuôn khổ nhà thờ và giáo dân.

Đây là một trong những đóng góp quan trọng nhất của các giáo sĩ đạo Thiên Chúa đối với văn hoá Việt Nam. Tuy đóng góp này nằm ngoài ý thức chủ quan của các nhà truyền đạo nhưng nhìn từ góc độ giao lưu văn hóa, với việc tạo lập một dạng chữ viết có ưu điểm hơn hẳn những dạng chữ viết trước đó, các nhà truyền đạo đã có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của nền ngôn ngữ Việt Nam.

Cùng với việc truyền bá Thiên Chúa giáo, các giáo sĩ đã du nhập vào Việt Nam rất nhiều thành tựu của kỹ thuật hiện đại phương Tây, trong đó một ngành công nghệ có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển của văn hoá Việt Nam được các giáo sĩ Thừa sai đưa vào Việt Nam khá sớm: đó là ngành in. Cùng với việc sáng tạo ra chữ Quốc ngữ, sự du nhập công nghệ in hiện đại vào Việt Nam đã góp phần làm thay đổi diện mạo văn hoá bản địa những năm đầu thế kỷ XIX, đặc biệt trên lĩnh vực báo chí.

Không những chỉ làm thay đổi diện mạo văn hoá Việt Nam trên bình diện chữ viết và báo chí, Thiên Chúa giáo khi du nhập vào nước ta còn góp phần làm đa dạng hoá kiến trúc ở Việt Nam với sự du nhập của nghệ thuật kiến trúc nhà thờ phương Tây. Và đặc biệt, sự du nhập này đã tạo ra một sự giao lưu, hoà quyện văn hoá hết sức độc đáo.

Lối kiến trúc gôgích với hình tháp nhọn, vòm mái đòi hỏi kỹ thuật xây dựng khác hẳn với lối kiến trúc truyền thống của người Việt. Qua việc xây dựng

những công trình kiến trúc này, những người thợ Việt Nam có cơ hội được tiếp cận với kỹ thuật xây dựng của phương Tây: lối trang trí, họa tiết trong nhà thờ châu Âu như trang trí mặt tiền nhà thờ, trang trí cửa sổ, cửa ra vào, trang trí tháp chuông, vòm nhỏ hai bên hông và vòm lớn trên cung thánh, nơi đặt tượng Chúa, tượng Đức Mẹ Maria và các Thánh.

Bên cạnh đó là các nhà thờ theo lối kiến trúc kết hợp Đông -Tây Sự xuất hiện của nhà thờ Thiên Chúa giáo ở Việt Nam đã du nhập những phong cách kiến trúc mới, vật liệu xây dựng mới. Trên cơ sở lối kiến trúc phương Tây, người thợ Việt Nam tài hoa đã tạo ra những kiểu dáng mới, tiêu biểu là loại hình kiến trúc nhà thờ Nam - một sáng tạo trong kiến trúc Thiên Chúa giáo Việt Nam. Đây được coi là một tư liệu sống động về sự hội nhập văn hoá.

Như vậy, mặc dù mục đích chính là truyền đạo, nhưng với sự du nhập của Thiên chúa giáo, nền văn hóa Việt Nam đã được giao lưu, hòa quyện văn hóa hết sức độc đáo.

### **1.3. Giá trị văn hóa tôn giáo đối với việc khai thác và phát triển du lịch**

Giá trị văn hóa tôn giáo là giá trị của toàn bộ những tài nguyên thiên nhiên và nhân văn được thể hiện cả ở dạng vật thể và phi vật thể. Đó là những cảnh quan tự nhiên ấp ủ một truyền thuyết, một nỗi niềm, một bản lĩnh, một tư duy; là những di tích lịch sử, những lễ hội, những làng nghề thủ công cổ truyền, những trò vui dân gian... những cách thức ăn mặc, nói năng; những phong tục tập quán,... Thông qua các giá trị vật thể như di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, các công trình kiến trúc... và các giá trị phi vật thể như: nghệ thuật truyền thống, phong tục tập quán, tâm hồn cốt cách của con người, văn hóa tôn giáo có sức thu hút con người tìm đến để khám phá, chiêm nghiệm. Sức thu hút đó chính là cơ sở của ngành Du lịch, vì du lịch xét đến cùng là một hoạt động của con người nhằm thẩm nhận những giá trị vật chất và tinh thần đặc sắc, độc đáo ở một nơi khác bên ngoài nơi cư trú. Do đó, phát triển du lịch phần lớn là khai thác tiềm năng văn hóa để đem lại hiệu quả kinh tế, cũng có nghĩa là phát huy khả năng, phát triển kinh tế trên cơ sở khai thác tiềm năng văn hóa, trong đó có

những giá trị văn hóa của tôn giáo. Rõ ràng văn hóa tôn giáo đã trở thành nguồn tài nguyên phong phú và đặc sắc để phát triển du lịch.

Tài nguyên du lịch của nước ta rất đa dạng, trong đó các giá trị của văn hóa tôn giáo là một nguồn tài nguyên dồi dào và phong phú. Như chúng ta đã nghiên cứu ở những phần trên, Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo và những tôn giáo khi du nhập vào Việt Nam đều ít nhiều đã được Việt hóa, mang bản sắc văn hóa Việt Nam. Qua quá trình du nhập và phát triển hàng nghìn năm, những giá trị văn hóa của tôn giáo đã trở thành nguồn tài nguyên du lịch văn hóa rất đa dạng, phong phú. Đến đâu trên đất nước, người ta đều có thể nhận thấy ở mỗi vùng dân cư có các loại hình văn hoá vật thể (đình chùa, miếu phủ, nhà thờ, đồ cúng tế, hành đạo...) rất khác nhau, đó là do chúng mang dấu ấn văn hoá tôn giáo. Những công trình văn hóa tôn giáo này không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo đơn thuần, nơi sinh hoạt văn hoá của các cộng đồng dân cư mà với cảnh quan hài hòa, kiến trúc độc đáo, đặc biệt là nơi lưu giữ những giá trị tâm linh lớn lao, đã có sức hấp dẫn mãnh liệt đối với du khách trong và ngoài nước. Đó chính là những giá trị của văn hóa tôn giáo đối với việc khai thác và phát triển du lịch.

Thực ra việc khai thác di sản văn hóa phục vụ cho phát triển du lịch không phải là ý tưởng mới, song gần đây, chúng ta mới bắt đầu chú trọng. Du lịch văn hóa tâm linh được xem là một hiện tượng tổng thể của du lịch. Những cố gắng thu hút khách ở các điểm du lịch phải mang tính chất văn hóa, tâm linh. Những động cơ thúc đẩy khách đến các điểm du lịch chính là sự mong muốn được tiếp cận giá trị văn hóa và tâm linh.

Do văn hóa tôn giáo có vai trò hết sức quan trọng để phát triển du lịch như vậy, cho nên việc khai thác tiềm năng này phải gắn liền với việc giữ gìn, tôn tạo các tài nguyên này. Việc khai thác tiềm năng văn hóa tôn giáo không phải là công việc riêng của những người làm du lịch mà cần kết hợp với các nhà văn hóa cùng với sự trợ giúp của chính quyền và cộng đồng.



### **1.4. Văn hóa tâm linh và đặc điểm của loại hình du lịch văn hóa tâm linh**

Văn hoá tâm linh là một thuật ngữ được dùng để chỉ một loại hình văn hoá tinh thần đặc thù của người Việt Nam lấy đối tượng là sự bày tỏ tình cảm linh thiêng, niềm tin linh thiêng, sự tri ân của những người đang sống đối với những người thân đã mất, đối với những vị anh hùng dân tộc, những liệt sĩ được tôn làm Thánh, làm Thần, làm Thành hoàng... diễn ra trong một không gian thiêng và thời gian thiêng nhất định.

Từ xa xưa, trong các hoạt động văn hoá truyền thống dân tộc, người Việt Nam đều có tổ chức các hoạt động văn hoá tâm linh, hoặc do nhà nước Trung ương tổ chức, hoặc do làng, xã tổ chức theo những lễ nghi trang trọng, uy linh, với sự tham gia một cách thành kính, tự nguyện của nhân dân. Đó là Lễ hội giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ tế Trời, Đất, tế Thần, Thánh, tế Tổ tiên nhằm mục đích cầu cho quốc thái, dân an, cho con cháu hạnh phúc.

Trong phạm vi một dòng tộc, một gia đình cũng có các sinh hoạt văn hoá tâm linh. Đó là việc thờ cúng tổ tiên, sửa sang đền miếu, xây đắp mồ mả vào các dịp tết Nguyên Đán, các ngày giỗ tổ, giỗ ông, bà, cha, mẹ. Thông qua những hoạt động văn hoá tâm linh đó, con người ta tự tu tâm, tích đức để trở nên tốt đẹp hơn, đoàn kết hơn, hướng thiện hơn, bớt đi cái ác, cái xấu trong lòng. Ý nghĩa tích cực của các hoạt động văn hoá tâm linh được người Việt khai thác rất có hiệu quả vào việc giáo dục các thế hệ con cháu, cố kết cộng đồng, giữ gìn bản sắc, truyền thống. Hoạt động văn hoá tâm linh đã trở thành một nhu cầu văn hoá lành mạnh, đầy tính nhân văn của người Việt Nam.

Hãy lấy tục thờ cúng tổ tiên của người Việt làm ví dụ. Thờ cúng tổ tiên là một nét đẹp trong văn hoá tâm linh của người Việt Nam. Hầu như gia đình Việt Nam nào cũng có bàn thờ tổ tiên. Trong tâm thức của người Việt Nam, ông bà, cha mẹ, những người ruột thịt thân yêu của họ dù có “khuất bóng” nhưng không “mất”. Họ vẫn “sống” trong tình cảm tôn kính, yêu thương, nhớ nhung, gần gũi của người hiện tại. Trong cái không gian thiêng và thời gian thiêng đó, từ sâu thẳm trong tâm hồn của con người, quá khứ và hiện tại bỗng giao hoà, giao cảm

vào nhau, rất gần gũi, rất hiện hữu, không có cái cảm giác cách biệt. Chính sự rung cảm thiêng liêng đó đã góp phần tu chỉnh ý thức và hành vi của người đang sống sao cho tốt hơn, hoàn thiện hơn, tâm, đức trong sáng hơn, có tính nhân bản, nhân đạo, nhân văn hơn. Đó cũng là một động lực tinh thần đặc biệt để họ sống, phấn đấu, vươn lên những giá trị cao đẹp của cái Chân - Thiện - Mỹ mà tổ tiên họ, cha ông họ mong muốn.

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm chăm lo đến việc giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc, trong đó có các giá trị văn hoá tâm linh. Nhà nước và các địa phương đã đầu tư nhiều công sức, tiền của để xây dựng các công trình văn hoá tâm linh như tu tạo lại các đền đình, chùa, các di tích lịch sử, các di tích văn hoá; tổ chức các nghi lễ hội. Nhân dân các địa phương cũng chung sức đóng góp tiền của để tu sửa, xây cất các nghĩa trang, các di tích lịch sử văn hoá của địa phương. Có những địa phương biết kết hợp giữa xây dựng các quần thể văn hoá tâm linh với xây dựng các cảnh quan du lịch, thu hút khách thập phương; kết hợp tổ chức nhiều lễ hội văn hoá - du lịch khá ấn tượng. Đó là những việc làm có ý nghĩa tích cực, cao đẹp, có tính giáo dục truyền thống rất cao, được lòng dân, đáp ứng một phần nhu cầu sinh hoạt tâm linh của nhân dân.

Văn hóa tâm linh được coi là một nguồn tài nguyên vô giá để phát triển du lịch. Đối với Việt Nam, khái niệm du lịch văn hóa tâm linh còn khá mới mẻ, nhưng thực tế loại hình du lịch này đã manh nha từ rất lâu.

Vào mỗi dịp đầu xuân, trên khắp các miền quê, lễ hội lại được mở tung bừng, từ hội làng, hội vùng đến lễ hội quốc gia. Người dân đi chơi hội, đi xem hội và đi lễ hội, có người đi hội gần (hội làng), có người đi lễ hội xa (lễ hội cấp quốc gia).

Chúng tôi đã làm một cuộc khảo sát nhỏ với khoảng 100 du khách đến chùa Bái Đính (Ninh Bình) trong ngày khai hội vừa qua (6 tháng Giêng), câu hỏi đưa ra là: Ông, bà... đến đây để tham quan, hành lễ hay vì lí do gì? Kết quả là có tới 99% cho biết vì đây là một ngôi chùa nổi tiếng linh thiêng nên đến đây

vừa để lễ bái, cầu xin, vừa để được tận mắt nhìn thấy những bức tượng phật, chuông,... nổi tiếng kỷ lục. Chỉ 1 - 2 người là đi với lí do để biết một nơi mà mình chưa đến (khám phá).

Từ khảo sát trên và qua thực tiễn thì có thể thấy đặc điểm nổi bật của loại hình du lịch văn hóa tâm linh đó chính là sự kết hợp giữa du lịch (đi chơi) với tâm linh (đi cầu xin, lễ lạt).

### **1.5. Tiểu kết chương I**

Tôn giáo là niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, vô hình, mang tính thiêng liêng, được chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách hư ảo, nhằm lý giải những vấn đề trên trần thế cũng như ở thế giới bên kia. Niềm tin đó được biểu hiện rất đa dạng, tùy thuộc vào những thời kỳ lịch sử, hoàn cảnh địa lý - văn hóa khác nhau, phụ thuộc vào nội dung từng tôn giáo, được vận hành bằng những nghi lễ, những hành vi tôn giáo khác nhau của từng cộng đồng xã hội tôn giáo khác nhau.

Các tôn giáo lớn trên thế giới được du nhập vào Việt Nam rất sớm như Phật giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo .... Nó tồn tại suốt một thời gian dài với lịch sử dân tộc. Theo thống kê hiện nay, Việt Nam có 19,4% dân số theo đạo với hơn 18 triệu người là tín đồ các tôn giáo. Số liệu này chưa phản ánh chính xác số lượng tín đồ tôn giáo ở Việt Nam vì việc xác định thế nào là một tín đồ tôn giáo vốn dĩ đã phức tạp lại chưa có sự thống nhất. Hơn nữa, người Việt Nam không giống người Phương Tây chỉ tham dự một hành vi tôn giáo. Một người Việt Nam có thể đi lễ nhà thờ, lễ chùa hoặc tham dự vào các hành vi tôn giáo khác nhưng nhiều khi lại không tự nhận là có đạo. Đến Việt Nam, người Phương Tây thường rất ngạc nhiên bởi ở đâu họ cũng bắt gặp nơi thờ tự với nhiều thần linh khác nhau mà tâm thức tôn giáo độc thần của họ không sao hiểu nổi. Từ gốc cây cổ thụ, hòn đá, hốc núi với hình thù kì dị đến khúc sông, ngọn suối... tất cả đều linh thiêng và có hồn. Trong nhà người Việt Nam, nơi trang trọng nhất đặt bàn thờ tổ tiên, bàn thờ Chúa, Phật hay các Mẫu, góc nhà, góc bếp có bàn thờ Thần Tài, Thần Bếp (Táo Quân), ngoài sân có cây hương thờ Thổ Địa góc vườn có

miếu thờ bà Cô, ông Mãnh, v.v... Điều đó phần nào nói lên nhu cầu tâm linh của người Việt và bầu không khí thấm đẫm hương vị tôn giáo nơi cõi hư và cõi thực hầu như không có ranh giới.

Ngay từ khi du nhập vào Việt Nam, các tôn giáo khác nhau đã có những ảnh hưởng nhất định đối với sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam, trong đó ảnh hưởng lớn nhất là của Phật giáo và Thiên Chúa giáo. Với đặc điểm nổi bật là tính đa nguyên dung hợp không mâu thuẫn kì thị tôn giáo, cũng không tồn tại thứ đức tin cực đoan, cuồng tín, tôn giáo Việt Nam gắn bó, đồng hành cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, và ngày nay vẫn "đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc".

Tôn giáo cũng đã để lại một kho tàng giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng phong phú, đặc sắc, là nguồn tài nguyên vô giá đối với việc khai thác và phát triển du lịch, đặc biệt là loại hình du lịch văn hóa tâm linh.

## **CHƯƠNG II. DU LỊCH VÀ TÔN GIÁO QUA KHẢO SÁT THỰC TẾ Ở MỘT SỐ TỈNH ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**

### **2.1. Nhu cầu tôn giáo ở đồng bằng Bắc Bộ**

Đồng bằng Bắc bộ là một vùng đất chiếm vị trí quan trọng trong sự phát triển cả về kinh tế, văn hoá, lẫn quân sự của Việt Nam. Sau hàng triệu năm hình thành và hàng nghìn năm khám phá của người Việt, vùng đồng bằng Bắc Bộ dần được định hình cho đến ngày nay. Vùng đồng bằng Bắc Bộ là vùng đất lịch sử lâu đời của người Việt, nơi khai sinh của các vương triều Đại Việt, đồng thời cũng là quê hương của các nền văn hóa Đông Sơn, Thăng long – Hà Nội. Đây là cái nôi hình thành văn hóa, văn minh Việt từ buổi ban đầu và hiện tại cũng là vùng văn hóa bảo lưu được nhiều giá trị truyền thống hơn cả. Đây cũng chính là nơi hai tôn giáo chủ yếu là Phật giáo và Thiên chúa giáo du nhập đầu tiên vào Việt Nam và phát triển rất mạnh mẽ.

Nói tới văn hóa ở châu thổ Bắc Bộ là nói tới một vùng văn hóa có một bề dày lịch sử cũng như mật độ dày đặc của các di tích văn hóa. Các di tích khảo cổ, các di sản văn hóa hữu thể tồn tại ở khắp các địa phương. Đền, đình, chùa, miếu, nhà thờ Thiên Chúa giáo v.v..., có mặt ở hầu khắp các địa bàn, tận các làng quê. Nhiều di tích nổi tiếng không chỉ ở trong nước mà cả ở nước ngoài như chùa Hương, Chùa Bái Đính, khu vực Cổ Loa, Hoa Lư, phố Hiến, chùa Dâu, chùa Tây Phương, đình Tây Đằng, nhà thờ đá Phát Diệm v.v... Cùng với các di sản văn hóa hữu thể, các di sản văn hóa vô thể của đồng bằng Bắc Bộ cũng khá đa dạng và phong phú.

Những biểu hiện trên cho thấy người dân đồng bằng Bắc Bộ rất coi trọng đời sống tâm linh. Hầu như người dân nào cũng đã từng tham gia các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng như đi lễ chùa, lễ nhà thờ, tham gia các lễ hội tôn giáo, tín ngưỡng.

## **Khóa luận tốt nghiệp**

---

Khảo sát nhu cầu tín ngưỡng của người dân trên phạm vi 5 tỉnh đồng bằng Bắc bộ là Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình với số lượng phiếu phát ra 1000 phiếu/tỉnh, Câu hỏi chủ yếu là: “Ông, bà,... có bao giờ tham gia các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng không?”, chúng tôi thu được kết quả như sau:

<b>Tỉnh/Tp</b>	<b>Thường xuyên</b>	<b>Thỉnh thoảng</b>	<b>Ít nhất 1 lần</b>	<b>Chưa bao giờ</b>
<b>Hà Nội</b>	223	402	311	64
<b>Bắc Ninh</b>	271	385	301	45
<b>Hưng Yên</b>	195	355	350	100
<b>Nam Định</b>	230	390	300	80
<b>Ninh Bình</b>	245	310	363	82

Những người tham gia thường xuyên là những người tham gia tất cả các lễ hội, hoạt động tôn giáo tín ngưỡng trong làng, trong vùng (ví dụ như người dân Bắc Ninh nhưng đầu năm vẫn đi lễ chùa Bái Đính hoặc người dân Hà Nội đi lễ hội chùa Hương), đi lễ chùa vào rằm, mừng một, và có thể lập cả điện thờ ở nhà; Những người thỉnh thoảng tham gia là những người chỉ đi các lễ hội lớn, đi lễ đầu năm; Những người tham gia ít nhất một lần là những người chỉ tham gia vài lần vào những dịp đặc biệt.

Còn đây là kết quả khảo sát tại một số điểm du lịch có gắn với các thánh tích nổi tiếng hoặc lễ hội tôn giáo lớn trong năm 2010:

<b>Thánh tích, lễ hội tôn giáo</b>	<b>Tỉnh, TP</b>	<b>Thời gian tổ chức</b>	<b>Lượt người tham gia</b>
<b>Chùa Hương</b>	Hà Nội	Mùng 6 tháng Giêng đến hết tháng 3 âm lịch	1.300.000
<b>Chùa Bái Đính</b>	Ninh Bình	Mùng 6 tháng giêng đến hết tháng 3 âm lịch	5.000.000
<b>Phủ Giầy</b>	Nam Định	Mùng 3-8 tháng 3 âm lịch	500.000
<b>Phủ Tây Hồ</b>	Hà Nội	Mùng 1 tháng Giêng đến hết Giêng	600.000
<b>Đền Trần</b>	Nam Định	Đêm 14 tháng Giêng âm lịch	50.000

Từ các bảng khảo sát trên , ta nhận thấy nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng của người dân đồng bằng Bắc bộ khá cao. Hầu như người dân nào cũng ít nhất một lần tham gia vào các hoạt động tôn giáo hay sinh hoạt tín ngưỡng như đi lễ chùa, lễ nhà thờ, đi lễ hội, đối với những nơi được cho là linh thiêng thì lượng người đến rất đông. Đặc biệt khoảng 10 năm trở lại đây, khi đời sống người dân được nâng cao thì nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo càng phát triển mạnh mẽ vì người ta muốn đi cầu, xin, trả ơn,... để sức khỏe được dồi dào, làm ăn được thuận lợi, gia đình được hạnh phúc, con cái đỗ đạt,....

## **2.2. Đánh giá chung về tiềm năng du lịch ở các đình, đền, chùa, miếu, nhà thờ, các lễ hội tôn giáo ở vùng đồng bằng Bắc Bộ**

### **2.2.1. Tiềm năng**

Việt Nam nói chung và vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng có một hệ thống các đình, chùa, đền, miếu khá dày đặc, và cùng với nó là các lễ hội tôn giáo. Bên cạnh đó là một số công trình nhà thờ độc đáo. Đây không chỉ là các địa chỉ tôn

giáo, là nơi sinh hoạt của các tín đồ tôn giáo mà còn là các địa chỉ du lịch hấp dẫn. Việc phát triển du lịch tôn giáo là một nhu cầu đang nóng hiện nay bởi con người sống trong đời có 2 điều quan trọng là hạnh phúc và khổ đau. Mỗi con người đều có thể giới riêng: tâm và linh - đây là một nhu cầu không thể thiếu trong đời sống hiện nay. Hiện nay, các nước Âu, Mỹ thường có xu hướng du lịch về phương Đông, trong đó có Việt Nam (bởi Việt Nam có nguồn tài nguyên du lịch tâm linh rất lớn).

Với một khối lượng là hàng vạn các di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng (trong đó chủ yếu là các cơ sở sinh hoạt tôn giáo như đình, chùa, nhà thờ,...) và hàng chục vạn các cơ sở tôn giáo ở các làng (chưa được xếp hạng di tích), đồng bằng Bắc Bộ được coi là nơi có tiềm năng du lịch tâm linh cực kỳ dồi dào. Xin liệt kê cụ thể một số tỉnh:

**Hà Nội:** Là một trung tâm chính trị và tôn giáo ngay từ những buổi đầu của lịch sử Việt Nam.. Trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử Thăng Long – Hà Nội đã tích hợp trong mình bao sự kiện lịch sử, văn hóa đã trở thành di sản, di tích vô giá cho chúng ta hôm nay. Thống kê sơ bộ cho thấy Hà Nội đã có trên 5000 di tích, chiếm tới 40% di tích của cả nước; gần 1000 di tích được cấp bằng di tích quốc gia, đậm đặc di tích, đa dạng không gian văn hóa...

Với một vùng đất có nhiều các di tích, danh thắng lịch sử, đình chùa miếu mạo như Hoàng Thành Thăng Long; Cổ Loa, Đền Gióng, chùa Hương, chùa Tây Phương, làng cổ Đường Lâm, Nhà thờ lớn Hà Nội, nhà thờ Hàm Long... du lịch Hà Nội đang hướng tới loại hình du lịch văn hóa tâm linh là trọng yếu. Tiềm năng này được những người làm du lịch đánh giá cao và đặt hy vọng khách du lịch quốc tế đặc biệt là khách châu Âu lựa chọn Hà Nội là điểm đến nhiều hơn.

**Hải Dương:** Là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử và văn hiến. Nhiều thế kỷ trôi qua, các giá trị tiêu biểu đó được gìn giữ, bảo lưu qua hệ thống văn hoá vật thể, phi vật thể đặc sắc như di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội, phong tục tập quán v.v. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 1098 di tích được phân bố ở hầu khắp các làng xã. Trong số đó, có 02 di tích là Côn Sơn và Kiếp Bạc được xếp hạng đặc biệt quan trọng của



quốc gia, 140 di tích xếp hạng quốc gia và 62 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Trước đây, có nhiều di tích bị xuống cấp, đổ nát, hoang tàn. Hiện nay, đáp ứng nhu cầu văn hóa tâm linh của người dân, hệ thống di tích trên địa bàn tỉnh đã được tu bổ, khôi phục và tôn tạo xứng đáng với tầm vóc của các danh nhân đất nước và các giá trị lịch sử, văn hóa, du lịch vốn có. Điển hình là khu di tích danh thắng Côn Sơn - Kiếp Bạc, chùa Thanh Mai, đền Cao An Lạc, đền thờ thầy giáo Chu Văn An ... ở Chí Linh; khu di tích danh thắng An Phụ ở Kinh Môn; cụm di tích thờ danh y Tuệ Tĩnh và Văn miếu Mao Điền ở Cẩm Giàng, đền thờ Khúc Thừa Dụ ở Ninh Giang... Hàng năm, các di tích trên địa bàn tỉnh đã đón hàng chục vạn du khách thập phương về tham quan, chiêm bái. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền, sự nhiệt tình công đức của nhân dân, hệ thống di tích lịch sử văn hoá của tỉnh Hải Dương (*tiêu biểu nhất là khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc*) đang được bảo tồn và phát huy tác dụng nhiều mặt, đặc biệt là giá trị đối với du lịch văn hóa tâm linh.

**Hung Yên:** Lịch sử phát triển và sự giao thoa của các nền văn hoá nơi đây đã để lại cho Hưng Yên một kho tàng di sản hết sức có giá trị cho việc phát triển du lịch với trên 2000 di tích, trong đó có nhiều di tích được xây dựng từ thời Lý, Trần, đến nay nhiều di tích còn mang giá trị nguyên gốc độc đáo và hơn 500 lễ hội được tổ chức hàng năm, Hưng Yên cũng là một tỉnh đồng bằng Bắc Bộ có tiềm năng du lịch văn hóa tâm linh rất dồi dào. Nổi bật là cụm di tích Phố Hiến (thành phố Hưng Yên) với Văn miếu, chùa Hiến, chùa Chuông, đền Trần, đền Mẫu... Quần thể kiến trúc nghệ thuật độc đáo với 128 di tích, trong đó có 17 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia với gần 100 bia ký, trên 11.200 hiện vật trong đó có 6.022 hiện vật có giá trị về lịch sử. Điều đặc biệt là các di tích phân bố ở khắp các phường, xã... tạo thành một quần thể di tích với nền kiến trúc nghệ thuật độc đáo. Nhiều di tích lịch sử văn hoá trong quần thể di tích Phố Hiến còn bảo tồn, lưu giữ được tính nguyên gốc từ nghệ thuật kiến trúc, hoạ tiết, hoa văn đến đồ thờ tự. Các di tích đã được xếp hạng Quốc gia thể hiện đầy đủ các triều đại từ Đinh, Lý, Trần, Hậu Lê, Nguyễn. Trong mỗi triều đại đều để lại những

công trình văn hoá, kiến trúc mang dấu ấn độc đáo của thời đó như: đền Mây (thời Đinh), chùa Hiến (Thời Lý), đền Tân La, đền Kim Đăng (thời Lê), đền Thiên Hậu (thời Hậu Lê), đền Trần, đền Mẫu (thời Nguyễn)... Cụm di tích văn hoá, lịch sử, tâm linh Phố Hiến nổi bật là phong cách kiến trúc Việt Nam và phong cách kiến trúc Trung Hoa. Tại Phố Hiến hiện có tới 60 di tích lịch sử văn hoá... Những kiến trúc tôn giáo của người Việt gồm nhiều loại hình như: đền, chùa, đình, miếu... Trong đó có thể kể đến những công trình nổi tiếng như đền Trần thờ tướng quân Trần Hưng Đạo, đền Mây thờ tướng quân Phạm Phòng Át, chùa Chuông, chùa Hiến... Người Hoa sinh sống ở Phố Hiến cũng đã để lại nhiều công trình kiến trúc tôn giáo như Võ Miếu, Đền Mẫu... Quần thể di tích lịch sử đa dạng đã tạo nên hệ thống các lễ hội dân gian truyền thống phong phú. Mỗi lễ hội đều có bản sắc riêng gắn với tôn giáo, tín ngưỡng của cư dân bản địa. Cũng như nhiều miền quê Bắc bộ khác, ở nhiều địa phương hiện còn lưu giữ được một số loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống độc đáo như: múa lân, múa rồng, múa tứ linh và những làn điệu dân ca có giá trị như: ca trù, hát trống quân, hát xẩm, hát chèo... Không chỉ nơi lưu giữ một kho tàng văn hóa quý hiếm mà Hưng Yên còn là điểm đến của loại hình du lịch tâm linh.

**Nam Định:** Là vùng đất phát tích của vương triều Trần, một trong những triều đại hưng thịnh bậc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 1.655 di tích lịch sử văn hóa, trong đó hơn 200 di tích đã được Nhà nước xếp hạng. Quần thể di tích này mang nhiều giá trị lịch sử, văn hóa và kiến trúc và là nguồn tài nguyên du lịch tâm linh hấp dẫn, thu hút đông du khách. Trong đó nổi bật nhất là quần thể di tích văn hóa thời nhà Trần khá đa dạng và có sức lôi cuốn với du khách như: Phủ Dày, Chùa Cổ Lễ, Chùa Keo Hành Thiện, Cầu Ngói Chùa Lương,... Từng là nơi gia tộc nhà Trần chọn làm nơi cư trú, đày nghiệp với làng Tức Mặc nổi tiếng là ngôi làng chỉ có một họ Trần, quê hương của các vua Trần, trên mảnh đất Nam Định đâu đâu cũng mang đậm dấu ấn văn hóa của triều đại này. Ngoài quần thể di tích văn hóa nhà Trần tập trung tại khu vực thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc còn có hàng trăm

di tích gồm đền, phủ, chùa miếu, lăng với các kiểu dáng kiến trúc đa dạng có liên quan đến tục thờ Đức thánh Trần và các vua quan, hoàng thân quốc thích nhà Trần. Một số di tích tiêu biểu của văn hóa thời nhà Trần tại Nam Định có khả năng khai thác, phát huy giá trị phục vụ phát triển du lịch, trước hết phải kể đến Khu di tích lịch sử văn hóa triều Trần trải rộng trên phạm vi các phường Lộc Vượng, Lộc Hạ (thành phố Nam Định) và một số xã Mỹ Thành, Mỹ Phúc, Mỹ Trung của huyện Mỹ Lộc bao gồm 45 di tích gắn với lịch sử vương Triều Trần. Các di tích: Đền Trần, Chùa Tháp, Đền Bảo Lộc, Đền Cao Đài... có giá trị về lịch sử, văn hóa và nghệ thuật kiến trúc, đã được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa. Tại đây còn lưu giữ và trưng bày nhiều hiện vật lịch sử về cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông của quân dân Đại Việt thế kỷ 13. Xưa kia, nơi đây vốn là hành cung Thiên Trường từng được ví như kinh đô thứ hai thời Trần với các cung điện Trùng Quang, Trùng Hoa (nơi dành cho các Thái Thượng Hoàng và các Vua đương triều ngự), cung Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ (dành cho các Thái Hoàng thái hậu, các phi tần tôn nữ ở). Ngoài những di sản văn hóa vật thể, Nam Định còn có vốn văn hóa truyền thống, tín ngưỡng, lễ hội khá phong phú mang đậm bản sắc nền văn minh lúa nước sông Hồng, là nền tảng cho việc hình thành những sản phẩm du lịch văn hóa phi vật thể, với khoảng 100 lễ hội truyền thống được tổ chức hằng năm tại các địa phương, trong đó có 58 lễ hội xuân và 42 lễ hội tổ chức vào dịp thu, đông. Việc tổ chức tốt các lễ hội có quy mô về không gian về thời gian như: Lễ hội Phủ Dày, Lễ hội Đền Trần, Lễ Khai ấn đầu năm, Hội chợ Viềng mùa xuân... tạo cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh lễ hành khai thác phục vụ khách du lịch.

**Bắc Ninh:** Được coi là nơi phát tích của Phật giáo Việt Nam, Bắc Ninh là một trong những vùng có nhiều di tích lịch sử văn hóa, đặc biệt là các cơ sở tín ngưỡng, thờ tự của Phật giáo. Đáng kể đến, đó là thành cổ Luy Lâu, chùa Dâu, đình Đình Bảng, chùa Phật Tích, chùa Dạm, chùa Tam Sơn đền thờ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân - Âu Cơ, đền Đô, lăng các vua Lý, chùa Cổ Pháp chùa Dương Lôi, đền Lý Triều Thánh mẫu, đình Dương Lôi thờ tám vua

Lý, chùa Tiêu Sơn với toà nhà tổ thờ Quốc sư Vạn Hạnh... Không những là quê hương của chùa tháp, Bắc Ninh còn là vương quốc của lễ hội với nhiều loại hình sinh hoạt văn nghệ dân gian đặc sắc, tiêu biểu là Dân ca Quan họ Bắc Ninh. Hầu như làng quê nào cũng có lễ hội. Hội được mở ra quanh năm, nhưng đậm đặc nhất là vào ba tháng xuân. Nhiều lễ hội lớn, thu hút nhiều quý khách trong vùng, trong nước và nước ngoài tới dự bởi sự đông vui náo nhiệt với nhiều hoạt động tâm linh và nghệ thuật dân gian đặc sắc, như lễ hội xem hoa mẫu đơn chùa Phật Tích, hội rước pháo Đồng Kỵ, hội kỷ niệm các vua Lý ở đền Đô, hội Dâu với trò “rước tứ Pháp”, hội chen làng Nga Hoàng, hội chạ “Tứ Yên” với tục kéo dây lấy lửa, hội rước nước ở đền Phả Lại v.v ... Sầm uất và hấp dẫn nhất là lễ hội vùng Quan họ như hội Lim, hội làng Diềm, hội Hoà Đình, hội Ó, hội Bồ Sơn.v.v.. với nhiều nghi thức rước sách, tế lễ uy nghiêm, cùng nhiều hoạt động văn hoá văn nghệ dân gian phong phú, độc đáo, đặc biệt là sinh hoạt văn hoá giao lưu và ca hát Quan họ. Đó chính là tiềm năng để phát triển du lịch văn hóa tâm linh ở nơi đây.

**Ninh Bình:** Là mảnh đất giàu tiềm năng du lịch văn hóa vì đây từng là kinh đô của Việt Nam ở thế kỷ X, nơi phát tích ba triều đại Đinh - Lê - Lý mà bằng chứng để lại là hàng loạt các đền chùa, đình đài, di tích lịch sử. Ninh Bình có rất nhiều điểm du lịch văn hóa tâm linh rất nổi tiếng như: Khu di tích lịch sử văn hoá Cố đô Hoa Lư được công nhận là di tích đặc biệt quan trọng quốc gia với 47 di tích trong đó nổi bật là: Đền Vua Đinh Tiên Hoàng, lăng mộ Vua Đinh, đền thờ và lăng mộ Vua Lê Đại Hành, nhà bia tưởng niệm Vua Lý Thái Tổ, đền thờ Công chúa Phát Kim, miếu thờ Công chúa Phù Dung, đền thờ Trần Quý Minh, phủ Khổng, phủ Đột, động Hoa Sơn, động Hoa Lư, bia Câu Dền, sông Sào Khê, đền Vực Vông, phủ Đông Vương, phủ Vườn Thiên,v.v. Khu văn hóa tâm linh núi chùa Bái Đính với chùa Bái Đính cổ (có đền thánh Nguyễn Minh Không, các hang động thờ Mẫu, thờ Phật, thờ Thần Cao Sơn...) và khu chùa Bái Đính mới với 5 toà lớn hội tụ nhiều kỳ lục Việt Nam dọc theo sườn núi. Ngoài ra còn có cụm Di tích tâm linh nho giáo: chùa Bích Động, chùa Nhất

Trụ, chùa Đồng Đắc, chùa Dịch Lộng, chùa Bàn Long, chùa Ngân Xuyên, chùa Non Nước v.v.

Đặc biệt, Ninh Bình nổi tiếng với quần thể nhà thờ Phát Diệm với 9 nhà thờ có kiến trúc độc đáo kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, được đánh giá là nhà thờ độc đáo và đẹp nhất Việt Nam, là kỳ quan Thiên Chúa giáo hấp dẫn nhiều du khách trong và ngoài nước.

**Vĩnh Phúc:** Vĩnh Phúc còn có nhiều tiềm năng du lịch tâm linh chứa đựng tính nhân văn, cả văn hoá vật thể và phi vật thể với hàng nghìn di tích lịch sử văn hoá, căn cứ địa cách mạng. Theo thống kê của Sở Văn hoá - Thông tin hiện nay, toàn tỉnh có 967 di tích lịch sử văn hoá, trong đó có 92 di tích được xếp hạng quốc gia, 208 di tích được tỉnh xếp hạng. Đến Vĩnh Phúc, không thể không biết đến Đền thờ Hai Bà Trưng, khu danh thắng Tây Thiên thờ quốc mẫu Nàng Thị Tiều, khu du lịch tâm linh Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên, Tháp cổ Bình Sơn... Đặc biệt là Thiền Viện Trúc Lâm Tây Thiên, một trong 3 thiền viện tầm cỡ lớn nhất của Việt Nam, thuộc xã Đại Đình, huyện Tam Đảo, được xây dựng ngay bên cạnh khu di tích danh thắng Tây Thiên cổ tự. Thiền viện có diện tích rộng 4,5ha, rừng ngoại vi rộng 50ha là một công trình mang tầm cỡ quốc gia đã chính thức hoàn thiện và được khánh thành cuối năm 2005, mỗi năm có hàng ngàn phật tử, du khách trong và ngoài nước hành hương về “cội nguồn Phật giáo Việt Nam” này để thấp hương khấn phật và thưởng ngoạn cảnh đẹp rừng núi Tây Thiên hơn là tìm lại chính mình.

**Hà Nam:** Hà Nam hiện có 1269 di tích các loại: di tích khảo cổ, lịch sử, văn hoá, kiến trúc nghệ thuật và các danh lam thắng cảnh. Là một tỉnh nhỏ, tài nguyên du lịch tâm linh ở Hà Nam không phong phú như các tỉnh vùng đồng bằng Bắc Bộ khác nhưng Hà Nam lại giáp với nhiều tỉnh có tiềm năng du lịch lớn như Hà nội, Ninh Bình, Nam Định,... Hiện Hà Nam có các di tích lịch sử văn hoá tiêu biểu như Đền Trần Thương, đình Văn Xá, đình Thọ Chương, Chùa Long Đọi Sơn, đền Lảnh Giang, đình Lũng Xuyên, Chùa bà Đanh, đền Trúc, đền Bà Lê Chân, Chùa Châu, Chùa Tiên, khu di tích Đình Lê, khu văn hoá Liễu

Đôi, Nhà từ đường Nguyễn Khuyến, đình Cổ Viễn, đình Bò Đê (Bình Lục)... Đặc biệt ở đất có một số lễ hội nổi tiếng như lễ tịch Điền ở làng Đọi Sơn, lễ đền Trần Thương

**Thái Bình:** Theo thống kê, toàn tỉnh có 2.164 di tích, trong đó có 386 di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh và 91 di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia. Các di tích được phân bố tương đối tập trung và hình thành một số cụm thuận lợi cho phát triển du lịch, như cụm di tích trên địa bàn Thành phố Thái Bình và khu vực phụ cận; cụm di tích Đền Đồng Bằng trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ; cụm di tích Đền thờ các vua Trần huyện Hưng Hà; cụm di tích Chùa Keo (Vũ Thư)... Chỉ tính trên địa bàn huyện Hưng Hà - mảnh đất địa linh nhân kiệt, nơi phát tích hưng nghiệp nhà Trần hiện còn lưu giữ bảo tồn được 552 di tích, trong đó có 22 di tích được xếp hạng quốc gia, 60 di tích xếp hạng cấp tỉnh gắn liền với hàng trăm lễ hội văn hoá có quy mô khác nhau, trong đó có hai lễ hội có phạm vi lớn được cả nước biết đến là lễ hội Đền Tiên La và lễ hội Đền Trần. Là mảnh đất địa linh nhân kiệt anh hùng, trải qua chiều dài lịch sử dựng và giữ nước, Thái Bình còn gắn liền với những cái tên danh nhân lịch sử văn hóa, anh hùng kháng chiến như Bát nạn tướng quân Vũ Thị Thục Nương; Linh từ Quốc mẫu Trần Thị Dung; Tướng quân Trần Thủ Độ; Kỳ đồng Nguyễn Văn Cầm; Nhà bác học Lê Quý Đôn; Tướng quân Trần Lãm; Lễ nghi Học sỹ Nguyễn Thị Lộ; ông tổ nghề dệt Phạm Đôn Lễ; nhà cách mạng Nguyễn Đức Cảnh v.v.. mà hiện nhiều di tích thờ cúng nổi tiếng linh thiêng, đang thu hút du khách trong và ngoài nước về thăm viếng, là nguồn tài nguyên để phát triển du lịch văn hóa tâm linh.

**Hải Phòng:** Là thành phố hiện còn lưu giữ được gần 1000 di tích, nổi bật trong đó là Đền Nghè thờ nữ tướng Lê Chân, người có công lập lên trang ấp đầu tiên, đặt nền móng cho sự phát triển của thành phố sau này, bà cũng là người đã tham gia cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng vào thế kỷ thứ nhất chống quân xâm lược nhà Đông Hán. Đình Hàng Kênh thờ anh hùng dân tộc Ngô Quyền. Ngoài ra Hải Phòng còn có một số lễ hội nổi tiếng như hội Chọi trâu (Đồ Sơn). Đây không chỉ là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa, là nơi sinh hoạt tôn giáo, tín

ngưỡng của nhân dân địa phương mà còn là những địa chỉ du lịch tâm linh phục vụ nhu cầu của đông đảo du khách.

Qua khảo sát cụ thể hệ thống đình chùa, đền, miếu, nhà thờ và các lễ hội ở các tỉnh đồng bằng Bắc bộ, ta nhận thấy, đồng bằng Bắc bộ là một vùng rất giàu tiềm năng để phát triển loại hình du lịch tâm linh.

Bà Nguyễn Thanh Hương, Phó Vụ trưởng Vụ Thị trường, Tổng cục Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) nhận định, bên cạnh tài nguyên thiên nhiên, du lịch tâm linh gắn với nhiều di tích lịch sử, sự phát triển của Phật giáo cùng các tôn giáo, tín ngưỡng khác như: đền Đình, đền Lê, Côn Sơn - Kiếp Bạc, chùa Dâu, chùa Keo, Phủ Giầy... và những di sản văn hóa phi vật thể như múa rối, chèo, quan họ... sẽ là sản phẩm du lịch chính của vùng Đồng bằng Sông Hồng.

Nhận định về tiềm năng du lịch văn hóa tâm linh của vùng Đồng bằng sông Hồng, Ông Lê Văn Minh, Viện Nghiên cứu phát triển du lịch cũng cho rằng, tiềm năng du lịch văn hóa tâm linh của vùng Đồng bằng sông Hồng rất to lớn bởi đây là nơi chứa đựng rất nhiều các di tích văn hóa lịch sử, các bản sắc văn hóa độc đáo của các dân tộc cho phép phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng có đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Thêm vào đó, vùng Đồng bằng sông Hồng có các trung tâm đô thị lớn (gồm Hà Nội, Hải Phòng) có các cửa khẩu quốc tế quan trọng về đường hàng không và đường thủy (như: sân bay Nội Bài, sân bay Cát Bi, cảng Hải Phòng...). Đây là những cửa ngõ quan trọng để thông thương với quốc tế và đón nhận khách du lịch.

### **2.2.2. Thực trạng**

#### **2.2.2.1. Mặt được**

Du lịch tín ngưỡng là một hình thức du lịch phát triển rất mạnh ở nhiều quốc gia trên thế giới. Du khách theo loại hình du lịch này thường tìm đến các đình, chùa, các thắng tích tôn giáo để ngắm cảnh, cúng bái, cầu nguyện,... Tại đây, du khách sẽ hòa vào dòng tín đồ để cảm nhận vẻ yên bình, thanh thản ở những thắng tích tôn giáo nổi tiếng.

Còn du lịch tâm linh gần đây đã hình thành và đang phát triển ở những quốc gia châu Á, đặc biệt những quốc gia theo Phật giáo như Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan. Hàng năm, các cơ quan tôn giáo Nhật Bản kết hợp với các công ty lữ hành tổ chức tour cho trên vài ngàn khách hành hương từ Nhật Bản đến các thánh tích Phật giáo ở Ấn Độ, Thái Lan, Myanmar. Châu Âu hàng năm cũng đã tổ chức nhiều đoàn du khách tham gia các lễ hội tôn giáo, các khóa tìm hiểu và nghiên cứu tôn giáo, các khóa tu thiền tại các quốc gia châu Á từng in dấu chân của Phật Thích Ca Mâu Ni lúc sinh thời.

Du lịch tâm linh đến các Phật tích sẽ giúp con người tháo gỡ được các cảm xúc khổ đau, vun bồi tâm trí và tinh thần minh triết. Du lịch tâm linh rất cần thiết cho tinh thần con người trong xã hội hiện đại. Nó bao hàm cả hành trình tìm kiếm các giá trị văn hóa truyền thống lẫn tìm lại chính mình. Làm trỗi dậy đời sống giác ngộ của khách du lịch tại những địa danh tâm linh chính là mục tiêu của các tour du lịch tâm linh.

Điều lý thú của du lịch tâm linh còn ở chỗ tất cả du khách đi trong tour đều như nhau trong vai trò của một tín đồ, không phân biệt thành phần xã hội, giai cấp, không phân biệt sang hèn, giới tính, tuổi tác, địa vị xã hội,... Du lịch tâm linh vì vậy có thể giúp mỗi người gỡ bỏ vai diễn kẻ lạ mặt trong đời để sống hòa hợp tự nhiên như tất cả chúng sinh trên mặt đất.

Đối với Việt Nam, là một nước có tiềm năng du lịch rất lớn nên hiện nay Nhà nước cũng như ngành du lịch đang bắt đầu có những bước khởi động cho sự phát triển loại hình du lịch này. Trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2010 và định hướng tới năm 2020, toàn bộ các khu di sản đều nằm trong khu du lịch quốc gia. Điều đó cho thấy Nhà nước và ngành du lịch đã nhận thấy tầm quan trọng của các di sản trong khai thác giá trị du lịch ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt là loại hình du lịch văn hóa tâm linh.

Hiện nay, tuy chưa có một dự án cấp nhà nước nhưng ở một số nơi đã tổ chức những cuộc hội thảo, những chương trình bàn về vấn đề phát triển du lịch văn hóa tâm linh. Ví dụ:



Trung tuần tháng 10 năm 2009, một hội thảo với chủ đề "Quản lý, bảo tồn và phát triển du lịch tại các di sản thế giới ở Việt Nam" đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đại sứ quán Tây Ban Nha tại Việt Nam và UBND tỉnh Quảng Bình phối hợp tổ chức. Hội thảo đã được nghe các bài tham luận của các chuyên gia Việt Nam và Tây Ban Nha về quản lý, bảo tồn di sản thế giới trong xu hướng phát triển mạnh mẽ các loại hình du lịch ở Việt Nam, các vấn đề như quy hoạch và định hướng phát triển du lịch tại các khu vực có di sản thế giới ở Việt Nam; Vấn đề du lịch và di sản; Bảo tồn di sản văn hóa thế giới và phát triển du lịch tại các di sản văn hóa thế giới hiện nay ở Việt Nam; một số vấn đề cụ thể của các di sản thế giới ở Việt Nam.

Mới đây, ngày 7.5.2010, Phân viện Văn Hóa Nghệ Thuật Việt Nam tại Huế cũng đã tổ chức hội thảo khoa học "Di sản văn hóa phật giáo và vấn đề phát triển du lịch ở Huế" đã được tổ chức, trong đó có đề cập đến vấn đề khai thác giá trị của các chùa, chiền, lăng, tẩm vào việc khai thác du lịch văn hóa tâm linh (chủ yếu bàn trong phạm vi các di sản ở Huế).

Cùng với việc định hướng về mặt chiến lược, hiện nay ở cấp Quốc gia và cấp địa phương, vấn đề bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản cũng được triển khai rất tốt. Theo con số thống kê năm 2008 của Cục Di sản – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì trong 3 năm từ 2006-2009, Nhà nước đã đầu tư 863 tỷ đồng cho việc chống xuống cấp 506 di tích trong tổng số 7.300 di tích của cả nước. Bên cạnh đó, các địa phương cũng huy động được hàng trăm tỷ đồng để trùng tu, tôn tạo di tích.

Chính vì vậy, các thánh tích ngày càng được chú ý đầu tư nâng cấp, cải tạo, tu sửa khang trang, bề thế hơn. Hiện đã hình thành nhiều khu di tích có thể khai thác loại hình du lịch tâm linh như: Khu di tích chùa Bái Đính nằm cách trung tâm thành phố Ninh Bình 12km, cách cố đô Hoa Lư 5 km được xem là khu du lịch tâm linh mới của Việt Nam. Điện Tam Thế có tượng Tam Thế đức bằng đồng, nặng tới 50 tấn; Điện Pháp Chủ với tượng Thích Ca Mâu Ni nặng 100 tấn; hai quả chuông đồng nặng 36 tấn và 27 tấn đồng, cổng Tam quan, hồ Phóng

sinh... Xung quanh hai bên lối đi là 500 tượng La Hán bằng đá Ninh Vân – Ninh Bình. Ngoài ra, núi Bái Đính cũng là nơi đặt khu tháp mộ sư, bảo tháp 14 tầng, khu bảo tàng Phật giáo Việt Nam, khu thờ Mẫu... Khách có thể nghỉ ngơi trong công viên yên tĩnh nơi trồng nhiều cây dược liệu, cây quý hiếm hoặc dạo thuyền vào thăm khu hang động Tràng An cách chùa không xa, nơi có tới 50 hang động dưới lòng núi đá vôi đã phát lộ. Khu du lịch này rộng 510ha, được xây dựng với nhiều hạng mục lớn và hàng năm đã thu hút hàng triệu lượt du khách đến chiêm bái.

Rồi đến Thiền viện Trúc lâm Tây Thiên thuộc xã Đại Đình, huyện Tam Đảo, là một trong 3 thiền viện tầm cỡ lớn nhất của Việt Nam, được xây dựng ngay bên cạnh khu di tích danh thắng Tây Thiên cổ tự. Thiền viện có diện tích rộng 4,5ha, rừng ngoại vi rộng 50ha là một công trình mang tầm cỡ quốc gia đã chính thức hoàn thiện và được khánh thành cuối năm 2005, đã thu hút hàng ngàn phật tử, du khách trong và ngoài nước hành hương về “cội nguồn Phật giáo Việt Nam” để thấp hương khấn phật và thưởng ngoạn cảnh đẹp rừng núi Tây Thiên hơn là tìm lại chính mình.

Thấy được tiềm năng to lớn của du lịch văn hóa tâm linh nên hiện nay một số công ty du lịch đã tổ chức các tour đi lễ chùa vào dịp đầu năm như công ty du lịch Songdatour đầu năm 2010 có đưa ra các tour như chùa Hương, chùa Bái Đính - Tràng An, Yên Tử - Hạ Long - đền Cửa Ông - chùa Long Tiên - đền Kiếp Bạc; Công ty Du lịch Newstar tour tung ra chùm tour lễ hội khá đa dạng như chùa Hương, Côn Sơn - Kiếp Bạc, Phủ Giày - Đền Trần; Công ty Dịch vụ lữ hành Saigontourist đưa ra chùm tour liên tuyến 3 nhà thờ hoặc 3 ngôi chùa trong một hành trình như Hành hương về xứ đạo - viếng nhà thờ La Vang - nhà thờ Phát Diệm - nhà thờ lớn Hà Nội; thăm 3 thiền viện Trúc Lâm...

Có thể nói, hiện nay Việt Nam đã nhanh chóng mở cửa và phát huy ngành du lịch và kịp thời đưa ra đường lối phát triển bền vững đem lại hiệu quả đem lại ngày một lớn hơn. Cũng cần nhận thấy rằng chưa bao giờ du lịch văn hóa tâm linh lại được đề cập và bước đầu phát huy như hôm nay. Việt Nam đang mở

rộng dịch vụ du lịch, thu hút du khách không những phát triển du lịch thuần túy mà cả du lịch văn hóa tâm linh. Trong đó, vùng đồng bằng Bắc bộ được đánh giá là một vùng trọng điểm trong việc khai thác loại hình du lịch này.

### *2.2.2.2. Những tồn tại*

Hiện nay, ở Việt Nam nói chung và đồng bằng Bắc bộ nói riêng chưa có loại hình du lịch tâm linh theo đúng nghĩa mà mới chỉ manh nha. Mặc dù ở Việt Nam cũng như đồng bằng Bắc Bộ, đời sống tâm linh của con người rất phong phú và nhu cầu đi lễ hội, chùa chiền là rất lớn. Nhưng thực tế cho thấy, hầu hết người dân đi lễ, đi chùa, đi nhà thờ đều là tự tổ chức chứ chưa đi theo tour.

Một số công ty du lịch tuy đã tổ chức được những tour đến các điểm du lịch văn hóa tâm linh nhưng nhìn chung các tour du lịch này chỉ mới làm được một việc là tổ chức đưa đón, bố trí ăn uống, nghỉ ngơi cho du lịch tại các địa chỉ trên. Du khách tự lễ bái, cầu cúng, tham quan,... Các công ty du lịch gần như rất ít quan tâm đến phương diện chuẩn bị các điều kiện cho du khách theo loại hình du lịch tâm linh như: nơi ở, thiền thất, thánh thất, các trang bị sinh hoạt khóa tu, nhu yếu phẩm, đặc biệt là con người. Trong khi, du lịch tâm linh đúng nghĩa là du khách đến các thánh tích tôn giáo không chỉ đơn giản là văn cảnh, hay tìm hiểu một nền văn hóa khác. Với họ, các thánh tích, Phật tích là những nơi giác ngộ, nơi có thể trao tặng cho họ các thông điệp tuyệt vời, chứa đựng minh triết giác ngộ, sự hòa hợp giữa con người với thế giới, nơi mà qua khóa tu thiền tại chỗ, họ có thể giải mã ít nhiều bản thể cá nhân bí ẩn của kiếp nghiệp chính mình,...

Bên cạnh đó, có thể dễ dàng nhận thấy không ít bất cập tại các điểm du lịch này. Đó là hiện tượng thương mại hóa các lễ hội tôn giáo, cảnh lộn xộn trong các chùa chiền, đền phủ,... Ngày thường cảnh chùa chiền thường vắng vẻ, nhưng dịp lễ hội thì người và xe khắp nơi đổ về, trong khi công tác tổ chức không tốt đã gây nên những cảnh hỗn loạn. Đơn cử như lễ khai hội Phủ Giầy, Đền Trần (Nam Định) năm 2010, hàng vạn du khách đã bị tắc đường hàng giờ đồng hồ nên thấy chán nản, mệt mỏi. Đặc biệt, lễ khai ấn Đền Trần vài năm lại

đây luôn lâm vào tình trạng phi văn hóa, phản tâm linh bởi đến giờ khai ấn, hàng ngàn người lao vào tranh cướp bên trong, còn bên ngoài là cảnh rao bán ấn giả ầm ầm. Điều đó cho thấy mục đích của lễ hội đã bị biến tướng. Ở một số lễ hội tôn giáo, tâm linh cũng thường xảy ra cảnh buôn thần bán thánh, trộm cắp đồ của du khách, nạn ăn xin, chèo kéo khách mua hàng,... Đó là những biểu hiện xấu chôn tâm linh.

Một thực trạng đáng buồn khác cũng đang diễn ra mà nếu không được khắc phục ngay sẽ có ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn tài nguyên của loại hình du lịch văn hóa tâm linh, đó chính là tình trạng xâm phạm di tích, trùng tu tôn tạo bừa bãi.

Theo thống kê của Cục di sản văn hóa, hiện nay trên cả nước có khoảng 5.300 di tích cấp tỉnh, hơn 3.000 di tích cấp quốc gia và 5 danh thắng được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Cũng theo thống kê trên, tình trạng lấn chiếm di tích diễn ra ở hầu khắp các địa phương trên cả nước. Nhiều di tích bị vi phạm nghiêm trọng hàng chục năm mà vẫn chưa có biện pháp nào khắc phục. Khảo sát một số di tích trên địa bàn nội thành Hà Nội, chúng tôi thấy tình trạng di tích bị xâm phạm một cách không thương tiếc. Có một lí do từ lịch sử để lại là có thời kỳ người dân được cho ở nhờ trong chùa, trong đình, lâu dần xây nhà xây cửa, hiện không thể giải phóng để trả lại khuôn viên chùa chiền. Ngoài ra, bên cạnh các khu di tích cũng mọc lên đủ thứ. Những hàng quán, cái lớn cái nhỏ, tạm bợ với những tấm bạt vá chằng vá đụp, những mảnh nilon rách nát, những tấm kim loại hoen rỉ; những hồ bán nguyệt quanh di tích thì cỏ dại thả sức mọc, rác rưởi vương vãi khắp nơi. Xung quanh khu di tích thì nhà cao nhà thấp, nhà lớn nhà bé đủ hình dạng, đủ trường phái, màu sắc chen lấn nhau, “đè bẹp” di tích. Các di tích xưa đã nhỏ bé nay lại càng bị nhỏ bé hơn bởi sự xâm lấn của các công trình xung quanh, đặc biệt là các công trình trong nội đô Hà Nội. Nhiều di tích bị các công trình xây mới che lấp, du khách tìm mãi mà chẳng thấy đường vào. Chẳng những thế mà dân còn phơi phóng quần áo trên cao, dưới thấp sát ngay di tích; cùng với dự ồn ào hỗn độn của đủ loại âm thanh

loa đài, tiếng người cãi nhau... tất cả không ăn nhập và không phù hợp với không gian cảnh quan di tích lịch sử văn hóa, đặc biệt là những công trình tôn giáo, lịch sử thiêng liêng.

Ngoài việc di tích bị xâm lấn thì một số khác đang bị mất đi tính nguyên gốc - giá trị đích thực của di tích - bởi tình trạng trùng tu, tôn tạo bừa bãi. Những năm gần đây, chuyện gọi là “trùng tu di tích” theo kiểu “đập phá để xây lại” hoặc “biến cổ thành tân” xảy ra khắp nơi. Ngoài một số di tích đặc biệt cấp quốc gia được trùng tu, tôn tạo một cách bài bản, bảo đảm giữ nguyên yếu tố gốc, còn lại ở cấp địa phương, việc trùng tu tôn tạo rất bừa bãi. Có lẽ, chưa bao giờ công cuộc trùng tu tôn tạo di tích ở Việt Nam lại đi vào “cao trào” như hiện nay. Người ta đua nhau làm mới di tích để “xứng tầm” nhằm chạy theo nhu cầu “thời thượng”. Với sự kém hiểu biết cộng với sự nhiệt tình một cách thái quá thành ra “hành hạ” di tích một cách vô tội vạ. Tệ hại hơn, họ coi đó như một cách bày tỏ tín tâm, sự sùng kính Tam bảo! Nếu có dịp đến viếng chùa Bình, chùa Tướng, chùa Phật Tích ở Bắc Ninh hay chùa Chuông ở Hưng Yên, chùa Trăm Gian (Hà Nội - ngôi chùa có hơn 700 năm tuổi nhưng gần đây đã làm mới hoàn toàn nhà ngự, kê hồ, tả vu, hữu vu; vụ đập phá để xây mới đền thờ Lý Chiêu Hoàng ở Đình Bảng - Bắc Ninh. Việc dỡ đình, chùa ra xây lại, sơn phết xanh đỏ linh tinh, rồi việc tự ý đưa các đồ thờ tự không phù hợp với tính chất của di tích vào di tích đã và đang khiến các di tích đang có giá trị bỗng trở nên vô giá trị đã làm ảnh hưởng đến việc gìn giữ yếu tố gốc và tính tâm linh của di tích.

Tất cả những tồn tại trên đã trở thành trở ngại đối với việc khai thác du lịch văn hóa tâm linh vì khi đình chùa mất giá trị nguyên gốc, lễ hội bị biến tướng thì du khách sẽ không còn muốn đến để khám phá, chiêm bái, thưởng ngoạn.

### **2.2.3. Nguyên nhân:**

#### *2.2.3.1. Chưa nhìn nhận đúng tiềm năng của du lịch văn hóa tâm linh*

Sở dĩ có tình trạng trên là do từ trước đến nay, chưa có một công ty du lịch nào xem chùa, nhà thờ là điểm tham quan du lịch nổi tiếng. Họ chỉ xem chùa, nhà thờ là nơi thờ cúng hơn là điểm đến để thưởng ngoạn, tham quan du lịch. Ngay cả nhà chùa, nhà thờ từ trước đến giờ cũng xem đây là nơi tu tập và hành lễ của các tín đồ, tăng ni, linh mục.... Do đó, các chùa, nhà thờ đều không có chuyên viên hướng dẫn, điều hành, tổ chức các hoạt động đa dạng vốn có. Về du lịch tâm linh, thiếu hẳn một đội ngũ chuyên trách về tiếp khách và hướng dẫn du khách hành hương, tham quan lễ bái và dĩ nhiên, những nhu cầu của khách tham quan liên quan đến sinh hoạt tâm linh sẽ không được đáp ứng (ví dụ như: nhu cầu được hướng dẫn hành lễ tập thể, thiền hành tập thể, dùng cơm chay tập thể, được hát thánh ca,...). Du khách đến thì cũng chỉ đến để lễ bái và ngắm cảnh qua loa, không có ai đón tiếp, hướng dẫn và thuyết minh cho họ hiểu về lịch sử hình thành ngôi chùa, nhà thờ, ý nghĩa các tượng thờ và giáo lý tôn giáo nói chung cả. Các công ty du lịch phần thì không chú trọng đến vai trò vị trí của điểm du lịch đặc biệt này, một phần không nắm vững lịch sử, văn hóa, kiến trúc của ngôi chùa, nhà thờ, phần khác thiếu hiểu biết về tôn giáo nên cũng không sao hướng dẫn du khách được, nhất là du khách nước ngoài.

Tình trạng trên đã dẫn tới nhiều điều đáng tiếc. Du khách đến chùa mạnh ai nấy đi, không theo một trật tự thứ lớp gì cả. Khi đến chùa, nhà thờ, ai muốn đi đâu đi, muốn xem gì xem, muốn hiểu sao hiểu, không hiểu thì chịu không biết hỏi ai. Có những khách du lịch nước ngoài mang cả dép vào chính điện và khi vào chính điện họ nhìn lơ ngơ, không biết vị ngôi trên bàn thờ là ai.

### *2.2.3.2. Chưa đầu tư thích đáng về mọi mặt*

Có thể dễ dàng nhận thấy là hiện nay các điểm du lịch văn hóa tâm linh đang được khai thác theo kiểu khai thác tài nguyên sẵn có mà chưa hề có một sự đầu tư nào. Du lịch văn hóa tâm linh là một hoạt động hoàn toàn mới, rất đặc thù nhưng các chùa, các nhà thờ lại chưa có một tổ chức chuyên trách, ngay cả những nơi thường xuyên có các phái đoàn du khách đến tham quan, hiện tại vẫn chưa có một ban chuyên trách về tiếp khách và hướng dẫn khách tham quan,

chiêm bái. Các phương tiện phục vụ khách du lịch như: Phòng chiếu phim, bản giới thiệu, tờ gấp, bưu ảnh, tập sách, phim VCD, DVD... bằng các ngôn ngữ hầu như không có hoặc thiếu. Các dịch vụ như: Quầy điện thoại, bưu điện, quầy bán phẩm vật lưu niệm, quầy chụp ảnh, quay phim, bãi đậu xe... đa số các địa điểm này cũng chưa có. Về tổ chức các sự kiện, thuyết giảng, hành lễ, ẩm thực theo yêu cầu của du khách thì chưa thỏa mãn được. Lí do là chưa quen với việc tổ chức các sự kiện lớn. Vấn đề an toàn cho du khách như nhà nghỉ, căng tin, hệ thống vệ sinh... cũng là vấn đề mà các điểm du lịch này chưa lưu tâm đến.

Vì không xem các cơ sở tôn giáo có thể là nơi tham quan du lịch lí tưởng và có sức thu hút du khách, nên đa số các cơ sở tôn giáo này không chú ý đầu tư các dịch vụ phục vụ du khách và an toàn cho du khách. Thực tế, nhiều chùa, nhà thờ có diện tích khá rộng, có nét kiến trúc và mỹ thuật rất đặc thù, có tương đối đầy đủ các tiện nghi vật chất và các hoạt động văn hóa giáo dục có khả năng phục vụ du lịch khá tốt. Nhưng do chưa quan tâm đầu tư đúng mức nên những tiềm năng du lịch nơi đây bị bỏ ngỏ.

### *2.2.3.3. Khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên một cách bền vững*

Ngoài việc du lịch tâm linh chưa được quan tâm đúng mức, thì có một thực trạng khác là hiện nay các cơ sở tôn giáo và các lễ hội tôn giáo đang có một số biến tướng làm ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển của loại hình du lịch tâm linh. Có không ít di tích đã không còn hấp dẫn các du khách bởi nhiều lý do như hiện tượng di tích gốc không được giữ gìn, tôn tạo hoặc trong quá trình tôn tạo đã làm sai lệch, làm giảm đi giá trị vốn có của nó. Rồi tình trạng ô nhiễm môi trường ở những nơi tổ chức lễ hội; động giả, chùa giả; mua bán sắc phong, bia đá, mắt cặp cổ vật; hành nghề mê tín dị đoan;... Đó là những gì đang diễn ra ở một số nơi làm ảnh hưởng đến tiềm năng khai thác du lịch tâm linh.

### *2.2.3.4. Chưa chú trọng công tác quảng bá, xúc tiến*

Cũng như nhiều địa phương trên cả nước, công tác quảng bá, xúc tiến du lịch của vùng Đồng bằng sông Hồng hiện vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Trong cuộc hội thảo "Phát triển du lịch khu vực đồng bằng sông Hồng" được tổ

chức tại Thái Bình ngày 15.10.2009, bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Phó Vụ trưởng Vụ thị trường - Tổng cục Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) nhận định: Hiện nay trong phạm vi cả nước nói chung và vùng đồng bằng sông Hồng nói riêng, công tác quảng bá, xúc tiến để phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh còn quá yếu kém, nguồn nhân lực cho công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch còn quá ít. Nhiều tỉnh, chỉ có 1-2 cán bộ chuyên trách về công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch. Thêm vào đó, mỗi tỉnh phải có từ 1,8 đến 2,5 tỷ đồng cho công tác tuyên truyền, quảng bá. Trên thực tế, mỗi tỉnh chỉ dành từ 100-200 triệu đồng cho công tác này.

### *2.2.2.5. Chưa tạo được những sản phẩm du lịch độc đáo*

Theo ông Lưu Nhân Vinh, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội, chất lượng các sản phẩm du lịch tại một số địa phương ở vùng Đồng bằng sông Hồng chưa cao, thiếu sự đặc trưng và độc đáo. Đặc biệt, các sản phẩm của các địa phương hay có sự chồng chéo, lặp đi lặp lại. Thậm chí, sản phẩm của địa phương nào đang hút khách thì nơi khác “nhái” ngay ý tưởng kinh doanh đó, gây ra sự cạnh tranh thiếu lành mạnh. Nhìn chung là các địa phương chưa biết cách khai thác tiềm năng để có những sản phẩm du lịch văn hóa tâm linh đặc sắc, mang tính đặc thù của địa phương mình.

## **2.3. Tiểu kết chương II**

Trong thời gian gần đây, các chuyên gia về du lịch đều cho rằng mô hình du lịch tâm linh hiện đang phát triển rất nhanh ở các nước có thắng tích Phật giáo như Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Quốc. Còn ở Việt Nam, do vị trí địa lý và lịch sử văn hoá đã đem lại cho chúng ta nhiều di sản rất có giá trị trải dọc theo chiều dài đất nước. Những giá trị đó là nguồn tài nguyên quan trọng có ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam, đặc biệt là loại hình du lịch văn hóa tâm linh. Riêng ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ là nơi tập trung rất nhiều chùa chiền, đền miếu, nhà thờ và là nơi có rất nhiều các lễ hội tôn giáo đặc sắc như chùa Hương, Đền Trần, Phủ giầy, chùa Bái Đính thì tiềm năng để phát triển du lịch văn hóa tâm linh cực kỳ dồi dào.



Tuy nhiên, thực tế cho thấy, chúng ta đang bỏ ngỏ nguồn tài nguyên du lịch văn hóa tâm linh vô cùng giàu có này. Nhà chùa, nhà thờ, hội, các nhà kinh tế, cũng như các nhà đầu tư du lịch còn bỏ quên và chưa xác định một cách toàn diện về giá trị của vấn đề du lịch tâm linh nên chưa có chính sách cụ thể để đẩy mạnh sự phát triển trong lĩnh vực này, chưa xác định du lịch tâm linh sẽ là một trong những mũi nhọn hỗ trợ phát kinh tế nước nhà một cách tích cực. Điều đó khẳng định: Có tiềm năng thôi chưa đủ, chúng ta cần phải có những giải pháp mang tính chiến lược cũng như những giải pháp cụ thể nhằm khai thác một cách hiệu quả tiềm năng để phát triển loại hình du lịch mới mẻ và đầy triển vọng này.

## **CHƯƠNG III. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM GẮN VĂN HÓA TÔN GIÁO VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH VĂN HÓA TÂM LINH Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ.**

### **3.1. Quán triệt sâu sắc quan điểm đổi mới của Đảng đối với vấn đề tôn giáo**

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã luôn xác định: *Tôn giáo là một thực thể xã hội*. Bởi vì tôn giáo do con người sản sinh ra, con người qua lăng kính của quá trình hoạt động sống trong xã hội đã dần dần xây dựng lên biểu tượng tôn giáo. Sự phát triển của tôn giáo đóng vai trò nhất định tới quá trình vận động phát triển của một dân tộc - một quốc gia và thế giới.

*Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận đời sống nhân dân*. Đánh giá được tầm quan trọng của công tác tôn giáo, trên cơ sở thừa nhận tín ngưỡng tôn giáo là một nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân lao động và đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với sự nghiệp xây dựng xã hội mới, Đảng yêu cầu phải “quan tâm giải quyết hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng”. Đảng và Nhà nước ta chủ trương, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng tự do, tín ngưỡng tôn giáo và không tín ngưỡng tôn giáo. Dựa trên nguyện vọng chính đáng của nhân dân, điều đó củng cố niềm tin trong nhân dân, tạo sự phấn khởi trong đồng bào tôn giáo.

Chúng ta phải luôn quán triệt quan điểm của Đảng là tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, nó xuất phát từ chính yêu cầu của bộ phận quần chúng đó. Đã là nhu cầu của nhân dân – dù là một bộ phận, thì Đảng cầm quyền, Nhà nước của dân, do dân, vì dân có nghĩa vụ, có trách nhiệm phải thoả mãn. Đó là một nhận thức mang tính khoa học và cách mạng rất sâu sắc, nó phản ánh đúng tính tất yếu khách quan trong sự tồn tại của tôn giáo. “Nhu cầu tinh thần” đó là một lợi ích thiết thân của bộ phận quần chúng có đạo mà Đảng và Nhà nước đã chủ động quan tâm chăm lo, bảo đảm. Tôn trọng và bảo đảm thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng lành mạnh của quần chúng cũng giống

như tôn trọng và bảo vệ sức khỏe, tự do và mọi quyền khác của con người. Đó là vấn đề cốt lõi mà trong các chính sách về tôn giáo, Đảng ta đã đề ra và luôn quán triệt thực hiện trong thực tế. Cụ thể, chúng ta phải quán triệt những nội dung sau:

*Quán triệt nhiệm vụ công tác tôn giáo.*

Muốn thực hiện nhiệm vụ này, chúng ta phải:

- Tập trung nâng cao nhận thức, thống nhất quan điểm, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về vấn đề tôn giáo.

- Tăng cường công tác vận động quần chúng xây dựng lực lượng chính trị ở cơ sở. Tăng cường quản lý Nhà nước về tôn giáo. Tăng cường công tác tổ chức cán bộ làm công tác tôn giáo.

- Thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo.

- Tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước..

- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo” trong quần chúng tín đồ, chức sắc, nhà tu hành ở cơ sở. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Tổng kết việc thực hiện các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về công tác tôn giáo. Tăng cường nghiên cứu cơ bản, tổng kết thực tiễn, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách trước mắt và lâu dài đối với tôn giáo.

*Tổ chức thực hiện.*

Các cấp uỷ phải thực hiện tốt các việc sau:

- Đảng và Chính phủ chỉ đạo việc cụ thể hoá nội dung các đường lối, chính sách pháp luật, xây dựng chương trình hành động của Quốc hội và Chính phủ, chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương thực hiện. Đối với các luật, pháp

lệnh mà phạm vi điều chỉnh có liên quan đến tôn giáo cần có điều khoản riêng quy định những nội dung cụ thể liên quan đến vấn đề tôn giáo.

- Tổ chức quán triệt nghị quyết về công tác tôn giáo, đồng thời với Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và Nghị quyết về công tác tôn giáo.

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch phổ biến tinh thần Nghị quyết trong chức sắc và tín đồ các tôn giáo.

- Ban Dân vận Trung ương thường xuyên theo dõi kiểm tra, đôn đốc và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách về tôn giáo; trong quá trình thực hiện, kịp thời phát hiện, đề xuất, kiến nghị để điều chỉnh, bổ sung, cụ thể hoá các chủ trương, chính sách, giải pháp nhằm thực hiện tốt chủ trương, chính sách về tôn giáo.

### **3.2. Những giải pháp chung**

#### ***3.2.1. Đưa du lịch đến các di tích, các lễ hội văn hóa tâm linh***

Cứ mỗi độ xuân về, trên đất nước ta lại diễn ra hàng nghìn lễ hội khác nhau. Lễ hội có một vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống của người dân mỗi thôn, xóm, làng, bản, là nếp sinh hoạt văn hóa dân gian, một món ăn tinh thần không thể thiếu của nhân dân ở mọi vùng quê. Đây là ngày hội biểu trưng những giá trị của đời sống tâm linh, đời sống xã hội và văn hoá của cộng đồng, là nơi người dân được hưởng thụ và sáng tạo văn hoá, thỏa mãn khát vọng trở về nguồn cội.

Mỗi làng quê Việt Nam đều có hội làng. Mỗi lần mở hội là một lần người dân được hiểu thêm về nghi lễ, là dịp để con người bày tỏ sự thành kính với thần linh. Nói cách khác, đây là phương thức làm thoả mãn tâm linh, điều hoà cuộc sống của con người. Hội làng cũng là dịp để lớp người lớn tuổi nhắc lại những phong tục đẹp với thế hệ con cháu. Trong các lễ hội diễn ra các cuộc thi nấu cơm, thi dệt vải... để khuyến khích nữ công gia chánh; thi trâu khoẻ để khuyến khích phát triển nông nghiệp; thi thơ, kéo chữ... mang ý nghĩa khuyến học; thi

vật, võ, đánh phết, đua thuyền, thi bơi, thi chạy... nhằm đề cao tinh thần thượng võ, rèn luyện thể lực và ý chí tự cường trong thanh niên...

“Trẩy hội” là một nhu cầu mạnh mẽ trong đời sống tinh thần của người dân. Ngoài ý nghĩa vui chơi giải trí, từ trong sâu thẳm của tâm thức Việt, là sự khơi dậy tinh thần dân tộc, thể hiện lòng tôn kính, biết ơn những vị anh hùng cứu nước, các tổ phụ ngành nghề, các danh nhân văn hóa. Chính vì vậy mà lễ hội chùa Hương bắt đầu từ ngày mùng 6 tết kéo dài cho đến tháng ba mà riêng ngày mở hội đã có đến hơn 5 vạn khách. Lễ hội chùa Bái Đính hiện nay cũng được mở thời gian khá dài và thu hút hàng vạn khách thập phương.

Đối với vùng Đồng bằng Bắc bộ là nơi có nhiều tài nguyên du lịch văn hóa tâm linh vì gắn với nhiều di tích lịch sử, các lễ hội văn hóa tâm linh như: đền thờ vua Đinh, vua Lê, Côn Sơn - Kiếp Bạc, chùa Dâu, chùa Keo, Phủ Giầy, Đền Trần, Chùa Hương... Hằng năm ở các điểm di tích nổi tiếng đều có mở các lễ hội có sức thu hút người dân cả một vùng rộng lớn hoặc hẹp hơn đó là các lễ hội làng. Sức hút của vấn đề tâm linh ở các đình, chùa, nhà thờ và các lễ hội này rất lớn. Ví dụ, lễ hội chùa Hương ở Hà Nội mở mỗi năm 3 tháng, thu hút hàng triệu lượt khách và nhiều người quan niệm nếu trong cuộc đời mà không đến đây dâng hương cầu cúng được vài lần thì không an tâm. Đa số các lễ hội thì ngoài phần lễ nghi còn có các hình thức diễn xướng như hát, hò, trò, tích có sức hấp dẫn du khách rất mãnh liệt, đặc biệt là các khách hành hương, khách nước ngoài. Đây sẽ là sản phẩm du lịch chính của vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Đi hành hương, tham quan lễ hội cũng là trở về với thiên nhiên và nguồn cội tâm linh. Chẳng hạn, khách du lịch tham quan lễ hội chùa Hương có cảm tưởng như mình đang đi “phong cảnh Bụt”. Từ bến Đục vào chùa, khách hành hương thỏa lòng chiêm ngưỡng, liên tưởng đến sơn thủy hữu tình, giang sơn tú lệ gắn liền với những cái tên dân dã mà người dân mong ước: núi Mâm xôi, Con gà, Thiên trù, Cây vàng, Cây bạc, Nong tiền... Bên trong càng thêm hấp dẫn với những ngôi chùa thoát tục, động đá thiêng liêng, huyền bí với những hình tuyệt mỹ mà thiên nhiên ban tặng như Tiên sơn, Hồng sơn... đặc biệt động Hương

tích (Nam thiên đệ nhất động) huyền nhiệm gắn liền với sự tích bà Chúa Ba (Bồ-tát Quan Âm) tu hành đắc đạo...

Hay như đối với lễ hội Gióng, là lễ hội độc nhất vô nhị của người Việt Nam, chúng ta cũng cần có biện pháp tổ chức, quản lý để phát huy giá trị của lễ hội này, đặc biệt là giá trị trong việc phát triển du lịch văn hóa tâm linh. Lễ hội Gióng đặc biệt có ý nghĩa lớn đối với người dân ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, bởi trong tiềm thức của người Việt, Thánh Gióng là một trong 4 vị thánh bất tử (tứ bất tử). Ngài đã trở thành biểu tượng anh hùng trong lòng nhân dân với những phẩm chất và hành động cao quý chống giặc ngoại xâm mang mưa thuận, gió hòa bảo trợ mùa màng cho các làng quê. Thánh Gióng là hiện thân mẫu mực cho sự trung hiếu, là vị anh hùng có công với đất nước. Lễ hội Gióng mang nhiều điểm đặc biệt với tính ước lệ cao. Người dân đã sáng tạo một hệ thống biểu tượng vừa thực vừa ảo, vừa thiêng liêng vừa đời thường để tái hiện chiến công đánh giặc giữ nước, giữ làng của một anh hùng trong truyền thuyết khiến cho hội Gióng luôn hấp dẫn và cuốn hút các thế hệ con người.

Ngoài việc đưa du lịch vào các lễ hội cụ thể thì chúng ta cũng cần phải có sự liên kết giữa các tour trong vùng. Ví dụ như du khách có thể tham quan Chùa Hương ở Hà Nội rồi sang Đền Trần Thương ở Hà nam, đền Trần Nam Định và sang chùa Bái Đính, nhà thờ đá Phát Diệm ở Ninh Bình... Có như vậy thì các điểm lễ hội mới phát huy được các giá trị tâm linh thu hút khách du lịch.

Lễ hội tôn giáo đã gắn bó, hòa quyện với quần chúng đến độ nó trở thành lễ hội của dân gian, mang tính đại đồng. Đi hành hương chiêm bái thánh tích, tham gia vào các lễ hội đã trở thành nhu cầu không thể thiếu của người dân Việt. Mọi người, ở mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp, không phân biệt tôn giáo, quốc tịch đều tham gia lễ hội. do đó, nếu biết phát huy giá trị của các lễ hội này thì loại hình du lịch văn hóa tâm linh sẽ trở thành “đặc sản du lịch” của vùng Đồng bằng Bắc bộ.

**3.2.2 . *Xây dựng dự án Quốc gia về phát triển du lịch văn hóa tâm linh***

Việt Nam là một quốc gia rất giàu có các thánh tích: chùa Trấn Quốc, chùa Hương (Hà Nội); Yên Tử (Quảng Ninh); Luy Lâu (Bắc Ninh); Thánh thất Cao Đài (Tây Ninh); Trà Kiệu (Quảng Nam); La Vang (Quảng Trị); Phát Diệm (Ninh Bình),... Thế nhưng, du lịch Việt Nam cũng chỉ mới để ý đến du lịch tín ngưỡng, một loại hình du lịch nhìn ngắm, thăm viếng. Du lịch đồng bằng Bắc bộ cũng trong tình trạng như vậy.

Du lịch tâm linh gần đây đã hình thành và đang phát triển ở những quốc gia châu Á, đặc biệt những quốc gia theo Phật giáo như Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan. Hàng năm, các cơ quan tôn giáo Nhật Bản kết hợp với các công ty lữ hành tổ chức tour cho trên vài ngàn khách hành hương từ Nhật Bản đến các thánh tích Phật giáo ở Ấn Độ. Thái Lan, Myanmar. Châu Âu hàng năm cũng đã tổ chức nhiều đoàn du khách tham gia các lễ hội tôn giáo, các khóa tìm hiểu và nghiên cứu tôn giáo, các khóa tu thiền tại các quốc gia châu Á từng in dấu chân của Phật Thích Ca Mâu Ni lúc sinh thời. Trong khi đó ở nước ta, trên bản đồ du lịch, trên các kênh quảng bá, xúc tiến, người ta vẫn chưa thấy nói đến những nơi này như là điểm đến của loại hình du lịch tâm linh. Vì vậy, về phía Nhà nước, nên có chính sách ở tầm vĩ mô cho việc khai thác và phát triển loại hình du lịch này. Cần có ngay một dự án cấp Nhà nước về phát triển du lịch văn hóa tâm linh, trong đó định hướng rõ mục tiêu, kế hoạch,... Nếu triển khai được dự án này, ngành du lịch Việt nam sẽ thu hút thêm một lượng khách rất lớn.

**3.2.3. *Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch, quảng bá, xúc tiến cho loại hình du lịch văn hóa tâm linh***

Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch, xây dựng chiến lược, quản lý thực hiện quy hoạch phát triển du lịch của từng tỉnh và từng vùng để tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo, chuyên biệt, đồng thời tạo tinh liên kết cao trong phát triển.

Cần phải xác định đúng đắn du lịch văn hóa tâm linh là một thứ du lịch mà khách đến hành hương, cúng bái, chiêm ngưỡng trong sự tôn kính nghiêm trang,

gìn giữ bản sắc hồn nhiên trong sự thực hành tín ngưỡng của dân bản xứ. Điều ấy đòi hỏi chính tổ chức du lịch phải vạch ra một mẫu mực được sự hưởng ứng của nhà chùa và dân bản xứ, không thể làm cầu thả được. Làm được như thế thì du lịch văn hóa tâm linh sẽ là một thành công lớn, bởi du khách đến đó sẽ thấy nét đặc thù của bản địa, chứ không phải đứng xem những cảnh bát nháo, buôn bán hàng du lịch vây quanh chùa chiền. Nên nhớ du khách không bao giờ đánh giá những nguy trang tôn giáo, họ muốn đến để xem thật và... cảm nghiệm, chiêm ngưỡng cảnh thật. Và đối với họ đó là sự tiếp cận thực sự “tâm linh”, “linh hồn” Việt Nam.

Tuyên truyền, quảng bá là một biện pháp cực kỳ cần thiết. Tăng cường công tác tuyên truyền rộng rãi trong cộng đồng dân cư để nâng cao hiểu biết và trân trọng các di sản văn hóa, hiểu biết về lợi ích của phát triển du lịch và cả những mặt trái mà sự phát triển này có thể mang lại. Làm tốt công tác tuyên truyền quảng bá, xúc tiến du lịch sẽ thu hút một lượng du khách không chỉ trong nước mà cả ngoài nước. Cần có nhiều ấn phẩm với nhiều hình thức quảng cáo được bán ở nhiều nơi công cộng và điểm du lịch.

Có một vấn đề xin được nói thêm là việc quảng bá thương hiệu mà tất ai cũng biết là rất cần thiết. Du lịch đồng bằng Bắc bộ nhiều năm qua đã có những đợt xúc tiến đáng kể với Trung Quốc, Pháp, Nga, Nhật, Đông Nam Á... nhưng xem ra sau các hội thảo, hội chợ, liên hoan thì đâu vẫn hoàn đấy (tất nhiên phải kể cả tác nhân suy thoái quốc tế). Do đó, tuyên truyền, xúc tiến phải được tiến hành thường xuyên.

Ngành du lịch cần xây dựng kế hoạch marketing du lịch cho vùng Đồng bằng sông Hồng, từ kế hoạch đó, mỗi địa phương sẽ tự xây dựng kế hoạch marketing cho riêng mình. Ngoài ra, mỗi địa phương phải chọn ra một loại hình du lịch độc đáo để xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm đó một cách bài bản để thu hút du khách.

Ngoài ra, đó là ngành du lịch nên tổ chức tổng hợp, kiểm tra và rà soát lại các sản phẩm du lịch tại các địa phương để tìm ra điểm mạnh và điểm yếu của từng



sản phẩm. Từ đó, xây dựng những sản phẩm du lịch đặc thù mang đậm bản sắc của từng địa phương. Bên cạnh đó, các địa phương cần có sự liên kết chặt chẽ với nhau, chú trọng đầu tư xây dựng sản phẩm mới, xây dựng những khu du lịch, tuyến du lịch trọng điểm. Du lịch văn hóa và du lịch tâm linh là sản phẩm du lịch chính đặc thù của vùng đồng bằng sông Hồng. Bối cảnh nổi bật nhất của đồng bằng sông Hồng chính là nền văn minh lúa nước, di tích lịch sử gắn với các anh hùng dân tộc trong các cuộc đấu tranh giành độc lập, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, gắn với tín ngưỡng, tôn giáo đồng thời vùng còn lưu giữ được nhiều di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có 2 di sản đã được UNESCO công nhận...

### ***3.2.4. Học tập kinh nghiệm của một số nước***

Ấn Độ được mệnh danh là đất nước của tôn giáo. Quốc gia này là nơi khởi nguyên của các tôn giáo lớn trên thế giới trong đó nổi bật là Phật giáo, bởi vậy rải rác khắp đất nước này là hàng ngàn Phật tích, danh thắng liên quan đến Phật giáo. Với hơn một tỷ tín đồ Phật giáo trên khắp thế giới, Ấn Độ đương nhiên trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn nhất cho du lịch tâm linh. Hiểu rõ điều này nên từ rất sớm chính phủ Ấn Độ đã chú ý xây dựng chính sách liên kết du lịch Ấn Độ với tâm linh Phật giáo.

Để các Phật tích thu hút du khách, chính phủ Ấn Độ thiết lập các đường bay mới từ các thủ đô của các bang quan trọng đến thẳng các thánh địa Phật giáo, thêm các chuyến xe lửa độc lập dành cho du khách hành hương đến đất Phật. Trong vùng phụ cận các thánh tích, họ cho xây dựng nhiều khách sạn đủ loại và các căn hộ cho thuê để du khách có thể lưu trú nhiều ngày tại đây. Các nhà hàng cũng đã có nhiều loại thực phẩm châu Á để giúp cho du khách chưa quen với hương vị thực phẩm Ấn Độ có thể ăn uống được dễ dàng. Hoàn thiện hơn, họ còn thiết lập các điểm dịch vụ y tế, đáp ứng kịp thời và đảm bảo sức khỏe cho du khách.

Mặc dù chính phủ Ấn Độ rất quan tâm đầu tư phát triển công nghệ du lịch, nhưng không cho các yếu tố thương mại hóa chi phối du lịch tâm linh. Nói khác

đi, một mặt chính phủ tạo phương tiện đầy đủ và tiện nghi cho các du khách như nâng cấp đường xá, thiết lập thêm các phương tiện giao thông, đảm bảo vệ sinh môi trường ở những nơi công cộng và các sân ga, đặc biệt là những khu phụ cận các Phật tích, nhưng mặt khác khuyến khích và tạo điều kiện cho các giáo hội Phật giáo trên khắp thế giới mở các khoá tu thiền trong khuôn viên của các Phật tích, giúp cho du khách thanh lọc thân tâm trong những ngày ở trên đất Phật.

Chẳng hạn, Tháp Bồ Đề Đạo Tràng là một trong số 84.000 công trình chùa tháp và các cấu trúc Phật giáo được đại đế A-dục kiến lập vào khoảng 218 năm sau khi Đức Phật nhập Niết bàn tại đất nước Ấn Độ. Toàn bộ quần thể Bồ Đề Đạo Tràng được chính quyền bao bọc bởi một hàng rào với kiến trúc Phật giáo thời kỳ Gupta, vừa đảm bảo được an ninh trong khuôn viên, đồng thời đảm bảo được tính tương thích của hai giai đoạn kiến trúc xưa và nay. Để biến Bồ Đề Đạo Tràng thành thánh địa linh thiêng nhất của Phật giáo, chính phủ Ấn Độ chọn ngày Rằm tháng 4, ngày Phật đản sinh làm ngày hành hương Phật giáo. Lễ hội hành hương về Bồ Đề Đạo Tràng được truyền hình và đưa tin trực tiếp trên khắp thế giới.

Hoặc ở Trung Quốc thì để phát triển loại hình này, họ đã cho phục dựng rất nhiều chùa chiền, và xây thêm những công trình phụ trợ .... Ví dụ khu vực Khổng Miếu - Khổng Lâm - Khổng Phủ ở Sơn Đông, đã có lịch sử trên 2.000 năm, mà nay người ta vẫn tiếp tục xây thêm những công trình phụ trợ để làm đẹp thêm di tích. Hay cung A Phòng ở Tây An đời Tần đã bị Hạng Võ đốt trụi từ 200 năm trước công nguyên đã không còn, nay được phục dựng gần như nguyên bản cung A Phòng có từ đời Tần. Hoặc ở Tây hồ Hàng Châu, họ mới làm thêm nhiều lầu gác. Họ còn xây lại miếu Nhạc Phi, đúc lại tượng vợ chồng Tần Cối (tượng vốn có từ đời Tống thế kỷ thứ XI nhưng bị hỏng từ lâu) theo phong cách mỹ thuật hiện đại.

Bên cạnh đó, Trung Quốc là nước rất biết khai thác triệt để lịch sử. Ví như ở miếu Nhạc Phi, họ đắp hẳn một hoạt cảnh bà Nhạc Mẫu viết chữ trên lưng Nhạc Phi. Tượng đắp bằng kích cỡ người thật, thuyết minh khá hay, vừa xác

đáng như lịch sử, lại vừa bay bổng chất men truyền thuyết dân gian. Hay ở Tô Châu, tại Hồ Khâu - mộ của Hạp Lư - chỉ nhân một cái giếng bé tí họ cũng khiến du khách phải dừng chân nghe họ thuyết minh về một sự tích li kỳ hay một viên đá hình quả trứng cũng được tạo thành một điểm dừng. Cứ thế, một gốc cây, một ngôi mộ cũng được đắp thêm cho một lý lịch tất nhiên là li kỳ để níu chân du khách.

### **3.3. Những giải pháp cụ thể**

Loại hình du lịch văn hóa tâm linh ở Việt Nam nói chung cũng như ở Đồng bằng Bắc Bộ nói riêng tuy chưa được định hình rõ nét, nhưng nếu có những giải pháp thúc đẩy cụ thể thì nó sẽ sớm trở thành loại hình du lịch thu hút một lượng du khách lớn.

#### ***3.3.1. Thành lập Ban chuyên trách về du lịch văn hóa tâm linh***

**Trước hết**, nếu muốn phát triển loại hình du lịch này và biến hoạt động này trở nên một bộ phận chuyên môn, làm công cụ hỗ trợ cho việc truyền bá đạo giáo thì cần gấp rút lập một ban chuyên trách về du lịch văn hóa tâm linh. Ban này có thể trực thuộc Tổng cục Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), có sự phối hợp chặt chẽ với Ban Tôn giáo Chính phủ. Ban này sẽ chịu trách nhiệm tổ chức, điều hành các tour tham quan du lịch đến các điểm du lịch văn hóa tâm linh như đình chùa, nhà Thờ Thiên Chúa, chịu trách nhiệm biên soạn giáo trình và sách hướng dẫn du lịch, huấn luyện hướng dẫn viên du lịch có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, có khả năng tổ chức và hướng dẫn các chuyến du lịch hành hương đến các thánh tích, các lễ hội.

Điều quan trọng là các quản lý du lịch cũng như các nhà đứng đầu của các tôn giáo cần nhìn thấy được tiềm năng vô cùng to lớn của chùa chiền, nhà thờ tôn giáo cũng như vai trò vị trí của nó trong đời sống tinh thần của mọi người dân Việt Nam. Đó không những là nơi sinh hoạt tâm linh mà còn là nơi sinh hoạt tín ngưỡng văn hóa của cộng đồng làng xã. Một khi nhìn thấy được tầm quan trọng đó, chắc chắn những nhà lãnh đạo tôn giáo không thể nào không

quan tâm đầu tư thích đáng cho các thánh tích, trong đó đầu tư phát triển du lịch là điều không thể bỏ qua.

Ban này phải xây dựng được chiến lược phát triển loại hình du lịch này và cần hỗ trợ kinh phí, mời gọi các cơ quan đoàn thể, các tổ chức và tư nhân ủng hộ cho dự án phát triển du lịch này.

### ***3.3.2. Thành lập các công ty du lịch chuyên về du lịch văn hóa tâm linh với đội ngũ hướng dẫn viên chuyên nghiệp***

**Thứ hai** là nên đầu tư vốn thành lập các công ty du lịch chuyên phục vụ trong lĩnh vực văn hóa tâm linh. Các công ty này sẽ chịu trách nhiệm tổ chức các tour du lịch đến các đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ,... nổi tiếng trên địa bàn các tỉnh vùng đồng bằng Bắc bộ trên toàn quốc và có thể cả nước ngoài. Chuyên viên làm du lịch tạm thời có thể là các tăng ni, tu sĩ hoặc các sinh viên đã tốt nghiệp ngành du lịch hoặc đang làm việc cho các công ty du lịch. Sau khi tuyển chọn sẽ được đào tạo thêm chuyên môn qua một khóa học ngắn hạn.

Về lâu dài, ngoài ban chuyên trách về du lịch văn hóa tâm linh, cũng cần cần thành lập trường nghiệp vụ du lịch riêng chuyên về loại hình du lịch này để đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn, chuyên nghiên cứu du lịch văn hóa tâm linh, tổ chức các tour và hướng dẫn viên phục vụ loại hình du lịch này. Nếu có thể thì tại các học viện phật giáo hoặc các tu viện nên có chuyên ngành du lịch văn hóa tâm linh. Bộ môn này sẽ góp phần đào tạo những chuyên viên và hướng dẫn viên du lịch phục vụ cho yêu cầu phát triển du lịch lâu dài.

### ***3.3.3. Thành lập ban chuyên trách tiếp khách, hướng dẫn du khách tại các điểm tham quan***

Các di tích nằm trong danh sách các điểm tham quan du lịch nổi tiếng cần có ban chuyên trách tiếp khách, hướng dẫn khách du lịch tham quan, chiêm bái và tổ chức các sự kiện về thuyết giảng, ẩm thực, hành lễ theo yêu cầu của du khách. Những người được cử vào ban này phải có kiến thức chuyên môn về du lịch, du lịch văn hóa tâm linh, có khả năng tổ chức và phải thông thạo ngoại ngữ. Các chùa nằm trong danh sách du lịch danh lam cần phải đầu tư xây dựng

các cơ sở dịch vụ phục vụ du khách như: Phòng tiếp khách, phòng chiếu phim, nhà nghỉ, căn tin, quầy bưu điện, quầy chụp ảnh, quay phim, quầy bán vật phẩm lưu niệm, bãi đậu xe... Ở mỗi dịch vụ trên, cần bố trí nhân viên có khả năng chuyên môn phục vụ du khách. Các thông tin ngắn gọn về ngôi chùa như: Bản giới thiệu, tờ gấp, bưu ảnh, tập sách bằng nhiều thứ tiếng cần được in ấn với số lượng nhiều để phục vụ cho sự tìm hiểu về ngôi chùa của du khách.

Khi có một chuyến tham quan du lịch đến một địa điểm nào đó, các công ty du lịch danh lam cần liên hệ với nhà chùa, nhà thờ sắp xếp hướng dẫn du khách tới, để có sự phối hợp nhịp nhàng, từ đó phục vụ du khách tốt hơn.

### ***3.3.4. Giải quyết triệt để những vấn nạn tại các điểm du lịch***

Một điểm nữa cần lưu tâm giải quyết triệt để là: Nạn ăn xin trước công chùa, trong khuôn viên chùa; nạn mua bán các loại sách vở nhằm nhí bói toán; nạn tranh giành mời gọi khách mua hàng; nạn xây cất các am miếu và câu khách vào lễ bái ... cần phải được giải quyết triệt để (hiện tượng này gần như không xảy ra ở các địa điểm là các nhà thờ công giáo)

Nếu biết tận dụng những thế mạnh và khắc phục những điểm yếu đã nêu trên, thì du lịch văn hóa tâm linh sẽ phát triển lớn mạnh trong tương lai không xa.

### ***3.3.5. Một số giải pháp khác***

Cần nắm đầy đủ các di tích danh thắng và đánh giá từng di tích để phân loại chúng theo các nhóm như những di tích vừa có giá trị văn hóa vừa có khả năng hấp dẫn du lịch; những di tích chỉ có giá trị đối với du lịch mà ít văn hóa hoặc ngược lại...

Cần xác định thị trường mục tiêu cho từng nguồn di sản (di tích, lễ hội) trên địa bàn. Điều đó có nghĩa là cần nghiên cứu xem từng nguồn di sản phù hợp với những đối tượng tham gia du lịch khác nhau như thế nào.

Phối hợp quy hoạch du lịch với quy hoạch đô thị nhằm thống nhất các dự án xây dựng để không làm ảnh hưởng đến môi trường cảnh quan. Quy hoạch các di tích danh thắng trên cơ sở quy hoạch du lịch sẽ đưa các di tích có giá trị trở

thành các điểm tham quan du lịch đồng thời lồng ghép với kế hoạch tôn tạo và giữ gìn các di tích.

Cần có định hướng văn hóa trong kinh doanh du lịch tại các điểm di tích, danh thắng nhằm tránh thương mại hóa các di tích văn hóa và phong tục tập quán. Ngăn chặn các hiện tượng phi văn hóa trong kinh doanh du lịch tại các điểm di tích.

Cần có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phù hợp với sự phát triển du lịch trên địa bàn. Quán triệt phương châm lấy văn hóa để phát triển du lịch và ngược lại phát triển du lịch để bảo tồn, duy trì bản sắc văn hóa.

### **3.4. Tiểu kết chương III**

Du lịch văn hóa tâm linh là một loại hình du lịch rất quyến rũ đối với nền kinh tế du lịch. Việt Nam có đủ cơ sở tôn giáo để thực hiện du lịch tôn giáo, khách đến hành hương có thể cúng bái, chiêm ngưỡng trong sự tôn kính nghiêm trang, gìn giữ bản sắc hồn nhiên trong sự thực hành tín ngưỡng.

Tuy nhiên, thực tế ở Việt Nam loại hình du lịch này mới chỉ manh nha và phát triển một cách tự phát. Điều ấy đòi hỏi chúng ta phải vừa có chiến lược ở tầm vĩ mô, vừa có các biện pháp cụ thể. Nếu có chiến lược khả thi và áp dụng triệt để, loại hình du lịch sẽ nhanh chóng phát huy thế mạnh trong phạm vi cả nước nói chung và vùng đồng bằng Bắc bộ nói riêng. Cần phải triển khai đồng bộ các biện pháp để du khách khi đến các địa chỉ tôn giáo, tâm linh sẽ thấy nét đặc thù tôn giáo của bản địa, được xem, cảm nhận, chiêm nghiệm. Du lịch văn hóa tâm linh sẽ thực sự giúp du khách tiếp cận thực sự “tâm linh”, “linh hồn” Việt Nam.

## **KẾT LUẬN**

Tôn giáo tồn tại lâu đời trong lịch sử nhân loại và đã du nhập vào Việt Nam từ khá sớm. Tôn giáo đã có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của văn hoá, xã hội. Chính tâm linh tôn giáo góp phần giữ gìn đạo đức con người, ổn định trật tự xã hội. Nó đã góp thêm một thiết chế để “giữ xã hội trong vòng trật tự” cùng với pháp luật, dư luận. Tôn giáo nào cũng khuyên con người- tín đồ, làm lành, lánh dữ, tích đức hành thiện, yêu người, cho người đói ăn, cho kẻ khát uống. Tôn giáo dạy con người tu thân, tề gia, đưa ra những chuẩn mực trong quan hệ vua- tôi, cha – con, vợ- chồng, thầy –trò. Hầu hết các nội dung trên là những lời răn dạy của các đấng sáng lập tôn giáo ( Chúa Trời, Phật, Thánh Ala...), trở thành quy chuẩn, mô phạm điều chỉnh những hành vi của con người, tín đồ. Bất cứ một thứ tôn giáo, tín ngưỡng nào xét về bản chất của nó không bao giờ hướng tới cái xấu, cái độc ác mà luôn khuyến khích làm điều thiện, vươn tới cái đẹp, cái cao cả vì lợi ích bản thân và cộng đồng. Thông qua sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người mà tín ngưỡng, tôn giáo đã tô đượm cho văn hoá dân tộc nhiều sắc màu. Các cơ sở thờ tự của tôn giáo thường là nơi diễn ra nghi lễ, thờ phụng của tín đồ tôn giáo, đồng thời cũng là nơi lưu giữ văn hoá truyền thống làm cho văn hoá dân tộc có sức sống trường tồn.

Chính vì những giá trị văn hóa như trên, từ lâu tôn giáo đã trở thành nhu cầu của số đông người dân. Ngay ở Việt Nam, số lượng tín đồ các tôn giáo chiếm hơn 1/4 dân số. Nếu kể cả những người theo đạo tổ tiên, ông bà thì hầu hết đều có tôn giáo, tín ngưỡng. Cho nên tôn giáo không chỉ là nhu cầu của cá nhân mà còn của cả xã hội nữa.

Ngày nay, ảnh hưởng của tôn giáo đối với đời sống văn hóa, xã hội Việt Nam rất rộng lớn. Sự du nhập và phát triển của văn hóa hàng nghìn năm để lại cho đất nước ta một khối di sản khổng lồ, đó là hệ thống đình, chùa, đền miếu, nhà thờ có mặt khắp các làng xã, là các lễ hội tôn giáo đặc sắc. Đây cũng là một kho tài nguyên vô giá để chúng ta phát triển loại hình du lịch văn hóa tâm linh. Bởi ai cũng biết, khi đời sống vật chất ngày càng được nâng cao, xã hội

càng hiện đại thì con người ta lại càng có nhu cầu nâng cao hơn nữa đời sống tinh thần. Cho nên sự phát triển của du lịch tâm linh trong tương lai không xa là nhu cầu tất yếu, nhất là đối với quốc gia có nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo như Việt Nam.

Du lịch tâm linh đến các thánh tích sẽ giúp con người tháo gỡ được các cảm xúc khổ đau, vun bồi tâm trí và tinh thần minh triết. Du lịch tâm linh rất cần thiết cho tinh thần con người trong xã hội hiện đại. Nó bao hàm cả hành trình tìm kiếm các giá trị văn hóa truyền thống lẫn tìm lại chính mình. Làm trỗi dậy đời sống giác ngộ của khách du lịch tại những địa danh tâm linh chính là mục tiêu của các tour du lịch tâm linh.

Đối với vùng đồng bằng Bắc Bộ là nơi có một kho tàng di tích lịch sử văn hóa không lồ cùng những lễ hội tôn giáo phong phú, là một mảnh đất tiềm năng cho việc phát triển du lịch văn hóa tâm linh. Nếu có chiến lược nâng tầm quốc gia cũng như những giải pháp cụ thể, đồng bằng Bắc bộ sẽ trở thành du lịch văn hóa tâm linh thu hút đông đảo các tín đồ, du khách trong và ngoài nước.



## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **I. Sách tham khảo**

1. Nguyễn Đăng Duy, *Văn hóa Việt Nam đỉnh cao Đại Việt*, Nxb Hà Nội, 2004.
2. Nguyễn Hồng Dương , *Tôn giáo trong mối quan hệ văn hóa và phát triển ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, 2004.
3. *Mark – Angghen Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị Quốc gia, 1995.
4. Ph.Angghen , *Chống Duy rinh*, Nxb Chính trị Quốc gia, 1995.
5. Lương Thị Thoa, *Lịch sử ba tôn giáo*, Nxb Giáo Dục, 2000.
6. Tổng cục chính trị, *Một số hiểu biết về tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Quân Đội Nhân Dân, 1993.
7. Đặng Nghiêm Vạn , *Lý luận về Tôn giáo và tình hình tôn giáo hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2001.
8. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 2006.
9. Bùi Thị Hải Yến, *Quy hoạch du lịch*, Nxb Giáo dục, 2006.

### **II. Wessite, tạp chí**

10. [www.toquoc.gov.vn](http://www.toquoc.gov.vn)
11. [www.cinet.gov.vn](http://www.cinet.gov.vn)
12. <http://vi.wikipedia.org//>
13. [www.vanhoaphatgiao.com.vn](http://www.vanhoaphatgiao.com.vn)
14. [www.dulichvietnam.com.vn](http://www.dulichvietnam.com.vn)
15. Tạp chí văn hóa nghệ thuật
16. Tạp chí Du lịch
17. Tạp chí Người Công giáo Việt Nam

## **PHỤ LỤC**

### **I. MỘT SỐ NGÔI CHÙA, NHÀ THỜ Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**



**Đình Hàng Kênh – Hải Phòng**



**Đền Mẫu – Hưng Yên**



Chùa Keo – Thái Bình



Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên



Chùa Dâu (Bắc Ninh) – ngôi chùa được coi là cổ nhất Việt Nam



Đền Trần – Nam Định



Nhà thờ lớn Hà Nội



Nhà thờ Phát Diệm

## II. MỘT SỐ LỄ HỘI TÔN GIÁO Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ



Lễ khai hội Chùa Hương



Lễ hội Côn Sơn – Kiếp Bạc (Chí Linh – Hải Dương)



Lễ hội Tịch điền Đọi Sơn - Hà Nam

